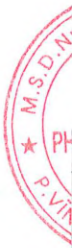


**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**  
**Địa chỉ: Khu công nghiệp Khai Quang, P. Vĩnh Phúc, T. Phú Thọ**  
**ĐT: (0211) 3720945, Fax: (0211) 3845944**



**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**



**Phú Thọ, tháng 12 năm 2025**

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC

Tên viết tắt : VPID – JSC

Tên giao dịch tiếng Anh: Vinh Phuc Infrastructure Development Joint Stock Company

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (MSDN) số: 2500222004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 16/06/2003, Sở Tài Chính Tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần 30 ngày 15/08/2025

Vốn điều lệ: 412.367.770.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 412.367.770.000 đồng

Mã chứng khoán : IDV

Logo : 

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Khai Quang – P Vĩnh Phúc – Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại : (0211) 3720 945 Fax: (0211) 3845 944

Email : [idv@vpid.vn](mailto:idv@vpid.vn)

Website : [www.vpid.vn](http://www.vpid.vn)

#### ❖ Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID) được thành lập theo giấy phép kinh doanh 1903000030 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 16/06/2003 với mức vốn điều lệ 9.999.000.000 đồng (*Chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu đồng*). Đến nay, VPID đạt mức vốn điều lệ 412.367.770.000 đồng (*Bảng chữ: Bốn trăm mười hai tỷ ba trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*).

VPID là doanh nghiệp tiên phong và là thương hiệu uy tín trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) tại địa bàn Tỉnh Phú Thọ nói riêng và khu vực miền Bắc nói chung. Trong gần 2 thập kỷ hình thành và phát triển, VPID luôn nỗ lực để hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa cho khách hàng, doanh nghiệp thuê đất sản xuất, nắm bắt cơ hội không ngừng mở rộng quy mô, địa bàn và lĩnh vực kinh doanh. Tính đến hiện tại, ngoài KCN Khai Quang – Phú Thọ (221,46ha), VPID đã và đang triển khai 2 KCN và CCN bao gồm: KCN Sông Lô II – Phú Thọ (165,655ha); KCN Châu Sơn – Ninh Bình (171,6ha); Cụm công nghiệp Hồng Đức – Hải Phòng (75ha).

Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ vận hành của VPID chuyên nghiệp, có bề dày kinh nghiệm về vận hành và quản lý các dự án đầu tư về hạ tầng, trong đó đặc biệt là hạ tầng Khu công nghiệp. VPID không ngừng đổi mới tư duy, nhằm xây dựng những khu công nghiệp mang bản sắc riêng, với hạ tầng - dịch vụ đồng bộ chất lượng cao, môi trường khu công nghiệp xanh - sạch - đẹp, đáp ứng các yêu cầu dù là khắt khe nhất của các nhà đầu tư đến từ các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Châu Âu,...

**Một số mốc thời gian và sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển:**

Thời gian	Sự kiện
2003	Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 9.999.000.000 đồng.
2009	Công ty đã được UBCK Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng ngày 01/10/2009.
2010	Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) cấp Giấy chứng nhận đăng



Thời gian	Sự kiện
	ký niêm yết cổ phiếu số 43/GCN-SGDHN ngày 18/5/2010 và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên cổ phiếu IDV trên sàn HNX vào ngày 01/06/2010.
2011	<p>Ngày 3/8/2011: Thành lập Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vốn điều lệ ban đầu: 18,0 tỷ đồng</li> <li>+ Vốn điều lệ hiện nay: 45,0 tỷ đồng</li> <li>+ Mã số doanh nghiệp: 0700540547 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 3/8/2011, cấp thay đổi lần 1 ngày 20/08/2014.</li> <li>+ Địa chỉ: KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (Nay là KCN Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình)</li> <li>+ Điện thoại: 84-(351) 6 252 137 Fax: (0351) 6 252 138</li> <li>+ Nhiệm vụ chính: Chủ đầu tư dự án Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình.</li> </ul> <p>Ngày 19/10/2011: Thành lập Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nội cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vốn điều lệ: 18,0 tỷ đồng.</li> <li>+ Mã số doanh nghiệp: 0105578158 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/10/2011, cấp thay đổi lần 3 ngày 24/4/2014.</li> <li>+ Địa chỉ: Tầng 04 khu văn phòng sân tập Golf Phương Đông - phố Tân Mỹ - phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.</li> <li>+ Nhiệm vụ chính: Đầu tư tài chính đối với các công ty đang niêm yết trên thị trường chứng khoán.</li> </ul>
2017	Ngày 07/12/2017: Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nội đã hoàn thiện thủ tục giải thể và chính thức ngừng hoạt động.
2019	<p>Ngày 04/03/2019, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 183.513.510.000 đồng thông qua các đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông.</p> <p>Ngày 12/09/2019: Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần VPID Vĩnh Phúc cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vốn điều lệ: 20,6 tỷ đồng.</li> <li>+ Mã số doanh nghiệp: 2500635202 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12/09/2019.</li> <li>+ Địa chỉ: Khu Công nghiệp Khai Quang – TP Vĩnh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là KCN Khai Quang, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ).</li> <li>+ Nhiệm vụ chính: Truyền tải và phân phối điện</li> </ul>
2021	<p>Trong năm 2021, Công ty đã được Thủ tướng chính phủ giao làm chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II - huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Xã Sông Lô, Tỉnh Phú Thọ); được UBND tỉnh Hải Dương giao làm chủ đầu tư, thành lập CCN Hồng Đức - huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Xã Tân An, Thành Phố Hải Phòng).</p> <p>Năm 2021, tăng vốn điều lệ từ 183.513.510.000 đồng lên thành 210.234.500.000 đồng (tăng 26.720.990.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông tỷ lệ 15%.</p> <p>Hoàn thành phân phối 537.300 cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu; 810.000 cổ phiếu ESOP 2021 cho CBCNV Công ty.</p> <p>Ngày 29/04/2021: Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vốn điều lệ: 18,0 tỷ đồng.</li> <li>+ Mã số doanh nghiệp: 2500664764.</li> <li>+ Địa chỉ: KCN Khai quang - TP Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là KCN Khai Quang, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ).</li> </ul>
2022	Năm 2022, Tăng vốn điều lệ từ 210.234.500.000 đồng lên thành 252.279.060.000 (Tăng 42.044.560.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông, tỷ lệ 20%.
2023	- Năm 2023, Tăng vốn điều lệ từ 252.279.060.000 lên thành 311.814.740.000 đồng. Cụ thể: (Tăng 50.453.700.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông, tỷ lệ 20%; (tăng 9.081.980.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty



Thời gian	Sự kiện
	(ESOP 2023). - Tổ chức thành công Lễ khởi công Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II - xã Sông Lô, Tỉnh Phú Thọ
2024	Năm 2024, Tăng vốn điều lệ từ 311.814.740.000 đồng lên thành 358.583.850.000 (Tăng 46.769.110.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông, tỷ lệ 15%.
2025	Năm 2025, Tăng vốn điều lệ từ 358.583.850.000 đồng lên thành 412.367.770.000 (Tăng 53.783.920.000 đồng) bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông, tỷ lệ 15%.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp (KCN) và các dịch vụ trong KCN (xử lý nước thải,...).

- Địa bàn kinh doanh chính:

- + KCN Khai Quang - tỉnh Phú Thọ.
- + KCN Sông Lô II - tỉnh Phú Thọ.
- + KCN Châu Sơn - tỉnh Ninh Bình.
- + Cụm CN Hồng Đức - TP. Hải Phòng.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **❖ Mô hình quản trị:**

Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID) được vận hành theo mô hình quản trị (điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp năm 2020): Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Có 03 thành viên Hội đồng quản trị độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

### **❖ Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các dự án KCN mà Công ty làm chủ đầu tư và các dự án Công ty góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đại hội đồng cổ đông: tại thời điểm ngày ĐKCC (11/03/2025) chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 là 1313 cổ đông.

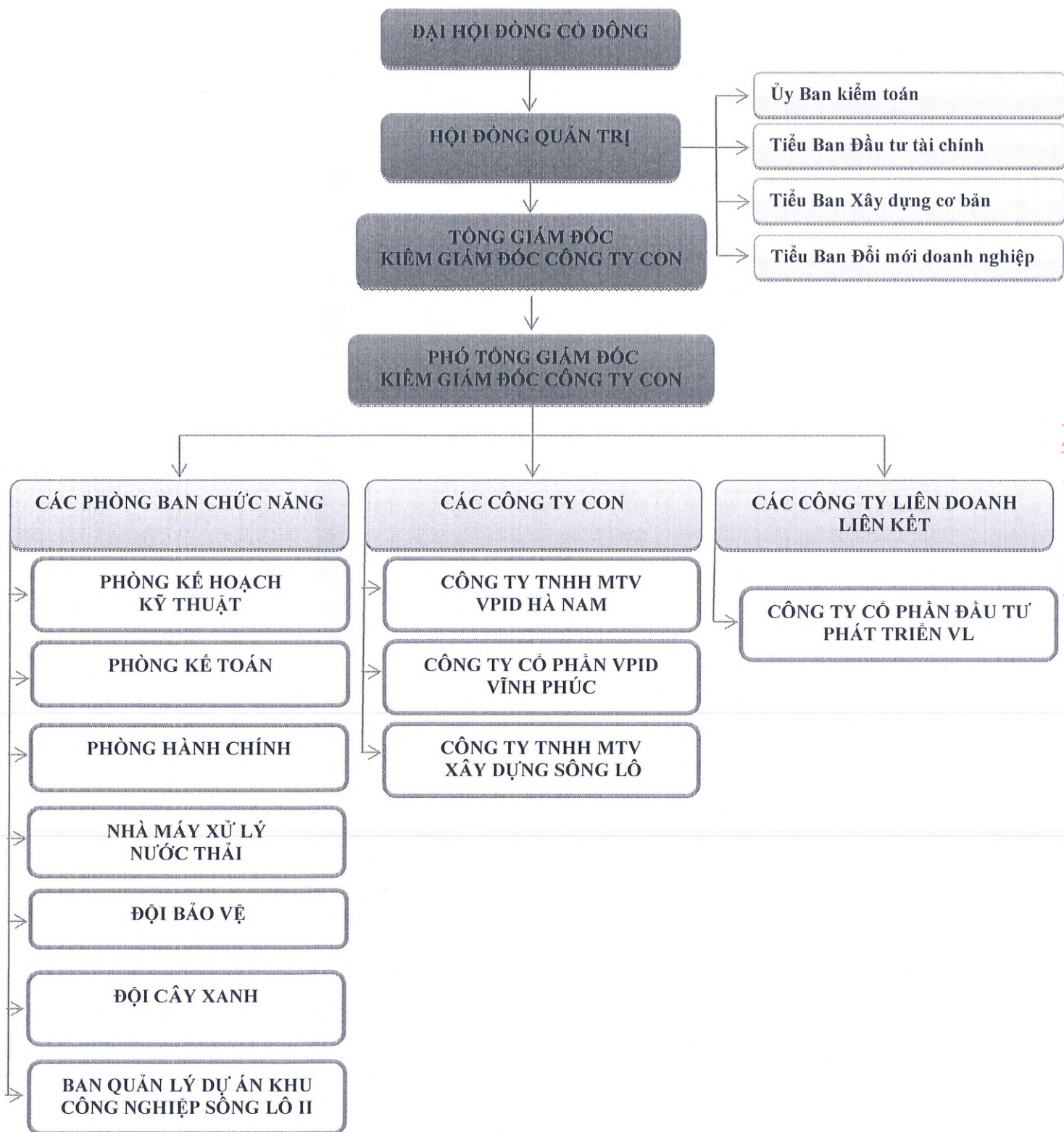
- Tính đến thời điểm 30/9/2025:

▪ Hội đồng Quản trị của Công ty gồm 09 thành viên (01 thành viên kiêm nhiệm Tổng giám đốc, 03 thành viên độc lập HĐQT).

- Ủy Ban Kiểm toán - trực thuộc HĐQT: Gồm 02 thành viên.
- Tiểu Ban Đầu tư tài chính - trực thuộc HĐQT: Gồm 04 thành viên.
- Tiểu Ban xây dựng cơ bản - trực thuộc HĐQT: Gồm 02 thành viên.
- Tiểu Ban đổi mới doanh nghiệp - trực thuộc HĐQT: Gồm 05 thành viên.
- Ban Tổng Giám đốc: Gồm 02 thành viên.
- Các phòng ban trực thuộc Công ty.



## SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY





❖ Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ dự án	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn đăng ký (tỉ VNĐ)	Số tiền VPID đã góp	Tỷ lệ tham gia (%)
<b>I</b>	<b>Các đơn vị trực thuộc (công ty con):</b>			<b>83,60</b>	<b>67,30</b>	
1	Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam	Ninh Bình	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN	45,00	45,00	100
2	Công ty cổ phần VPID Vĩnh Phúc	Phú Thọ	Truyền tải và phân phối điện	20,60	4,30	51,22
3	Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô	Phú Thọ	Xây dựng, hoàn thiện các công trình xây dựng	18,00	18,00	100
<b>II</b>	<b>Các công ty liên doanh, liên kết:</b>			<b>468,00</b>	<b>2,00</b>	
1	Công ty CP đầu tư phát triển VL	Ninh Bình	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN	468,00	2,00	20
	<b>Cộng (I + II)</b>			<b>551,60</b>	<b>69,30</b>	

#### 4. Định hướng phát triển:

❖ Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty luôn chú trọng trách nhiệm đối với khách hàng, cổ đông và cao nhất là trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, nhằm tiếp tục giữ vững và nâng cao uy tín, thương hiệu IDV.
- Theo dòng chảy của sự tiến bộ khoa học công nghệ và việc đẩy mạnh ứng dụng công tác chuyển đổi số và số hóa dữ liệu nhằm cung cấp dữ liệu hiệu quả cho việc quản lý công việc và ra quyết định.
- Tại các KCN đã và đang lắp đầy do Công ty quản lý, mục tiêu là gia tăng sự hài lòng của khách hàng và tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm năng.
- + Tập trung công tác chăm sóc khách hàng ở các dự án KCN đã lắp đầy, duy tu, bảo trì hạ tầng kỹ thuật và cây xanh thảm cỏ, đảm bảo an ninh trật tự và công tác bảo vệ môi trường.
- + Các dự án đang triển khai: hoàn thành các thủ tục pháp lý, hoàn thành hạ tầng kỹ thuật đảm bảo các sản phẩm đủ điều kiện khai thác, kinh doanh.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục đầu tư, phát triển lĩnh vực bất động sản KCN theo hướng bền vững. Trong đó việc tạo ra giá trị tốt nhất cho khách hàng được xem là nhiệm vụ trọng tâm. Do đó, Công ty sẽ không ngừng đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và chất lượng chăm sóc khách hàng nhằm gia tăng sự hài lòng, niềm tin mà khách hàng dành cho Công ty, từ đó xây dựng thương hiệu IDV ngày càng vững chắc.
- Bên cạnh đó, IDV cũng xác định rõ mục tiêu quan trọng khác mà Công ty cần chú trọng thực hiện là việc tiếp tục khai thác hiệu quả các dự án hiện hữu, đồng thời tích cực tìm kiếm các dự án mới để tạo đà tăng trưởng, tăng giá trị Công ty trong thời gian tới.



- Ngoài ra IDV đề cao yếu tố con người thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực kế cận, khai thác tiềm năng của cán bộ công nhân viên, nâng cao năng lực quản trị của Ban điều hành nhằm tối ưu hóa nguồn nhân lực tại Công ty.

❖ **Mục tiêu phát triển bền vững:**

- Nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, IDV luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, phát triển doanh nghiệp gắn liền với sự phát triển của cộng đồng xã hội trong chiến lược phát triển dài hạn.

- Hiện nay, tất cả các KCN do Công ty quản lý đều có NMXLNT tập trung với công nghệ xử lý hiện đại, hoạt động ổn định và đạt tiêu chuẩn xả thải theo luật định.

- Chính sách bảo hiểm, chế độ phúc lợi cho cán bộ công nhân viên Công ty luôn được đảm bảo, người lao động được làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, cạnh tranh và công bằng.

- Ngoài ra, Công ty tích cực tham gia các chương trình từ thiện, xã hội thiết thực và ý nghĩa.

**5. Các rủi ro:**

Hiện nay Công ty đã đầu tư vào các dự án bất động sản (BDS): BDS công nghiệp, kinh doanh cổ phiếu, nên các yếu tố rủi ro có thể xảy ra là:

- Lĩnh vực kinh doanh BDS công nghiệp: Hiệu quả ổn định, mức độ rủi ro phụ thuộc vào chính sách ưu đãi đầu tư vào các KCN của Nhà nước;

- Lĩnh vực kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu: Mức độ rủi ro lớn do thị trường còn thiếu minh bạch (Công ty đầu tư số lượng ít).

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2025**

Các chỉ tiêu chính về Tổng tài sản, doanh thu, lợi nhuận sau thuế năm 2025, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2024 (Tỷ đồng)	Kế hoạch 2025 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2025 (Tỷ đồng)	% tăng/giảm TH/KH2025
1	Tổng tài sản	1.880,04	2.150,00	2.001,18	-6,92%
2	Doanh thu (Doanh thu thuần + lãi/lỗ trong liên doanh liên kết + Doanh thu tài chính, thu nhập khác)	224,43	224,11	253,26	13,01%
3	Lợi nhuận sau thuế	134,16	115,07	130,13	13,09%

**2. Tổ chức và nhân sự**

✚ *Danh sách Ban điều hành tính đến 30/9/2025:*

1/ Bà Nguyễn Ngọc Lan – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

2/ Ông Nguyễn Anh Đệ – Phó Tổng Giám đốc

3/ Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kế toán trưởng

✚ *Những thay đổi trong Ban điều hành:*

- Ngày 09/08/2025, HĐQT Công ty ban hành Nghị Quyết số 0908.1/2025/NQ-HĐQT/IDV về việc miễn nhiệm vị trí TGD đối với Ông Phạm Trung Kiên (Theo đơn xin từ chức của cá nhân).

- Ngày 09/08/2025, HĐQT Công ty ban hành Nghị Quyết số 0908.3/2025/NQ-HĐQT/IDV về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty đối với Bà Nguyễn Ngọc Lan.

✚ *Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Kế toán trưởng: Chi tiết tại Phụ lục 1*

✚ *Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành:*



Số liệu năm 2025 được lập theo danh sách Người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) lập cho ngày đăng ký cuối cùng 11/03/2025 (Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024), số liệu năm 2024 được lập tại ngày đăng ký cuối cùng 05/03/2024, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên BDH, Kế toán trưởng như sau:

TT	Thành viên BDH	Chức vụ	Năm 2024		Năm 2025		% Thay đổi
			SL CP	Tỷ lệ %	SL CP	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Ngọc Lan	TGĐ	241.769	0,67%	278.034	0,67%	0,00%
2	Nguyễn Anh Độ	P.TGĐ	179.294	0,50%	206.188	0,50%	0,00%
3	Nguyễn Thị Hoàn	KTT	119.054	0,33%	79.412	0,19%	0,14%
	<b>Tổng</b>		<b>540.117</b>	<b>1,51%</b>	<b>563.634</b>	<b>1,37%</b>	<b>0,14%</b>

± Số lượng cán bộ, nhân viên toàn công ty (công ty mẹ, công ty con):

Trình độ	Số lượng (người)		Cộng	Tỷ lệ (%)
	VPID Khai Quang	VPID Hà Nam		
Trên Đại Học	2	0	2	1,77%
Đại Học, Cao đẳng	38	10	48	42,48%
Trung Cấp	2	1	3	2,65%
Công Nhân Kỹ Thuật & lao động khác	49	11	60	53,10%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91</b>	<b>22</b>	<b>113</b>	<b>100%</b>
Thu nhập bình quân 2025	~ 14,8 triệu đồng/người/tháng			

± Chính sách đối với người lao động:

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ chính sách cho người lao động theo Hợp đồng lao động và các quy định của Nhà nước.

- Cải thiện môi trường và điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần, xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực tốt cho người lao động làm việc tích cực, ổn định, gắn bó vì sự phát triển của công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

#### 3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2025, VPID tập trung đầu tư tại các KCN, CCN: KCN Khai Quang, Châu Sơn và KCN Sông Lô II, CCN Hồng Đức, đồng thời tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án mới phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty...

+ Tại KCN Khai Quang: Tập trung công tác duy trì hoạt động KCN, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tạo nguồn đất sạch cho thuê; tiếp tục cho thuê các diện tích đất công nghiệp còn lại và tăng cường kiểm soát chất lượng nước thải các doanh nghiệp, đầu tư thiết bị tại nhà máy XLNT theo quy định của pháp luật.

+ KCN Châu Sơn: Tiếp tục xây dựng hạ tầng, hoàn thành cho thuê toàn bộ diện tích đất công nghiệp, đẩy mạnh công tác cho thuê xưởng.

+ KCN Sông Lô II: Thực hiện thủ tục bồi thường giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại, hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đầu tư xây dựng cơ bản, cho thuê đất.

+ CCN Hồng Đức: Tiến hành các thủ tục pháp lý đầu tư xây dựng.

#### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

##### a/ Công ty con:

###### ❖ Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam:

- Thu hút đầu tư: đã cho thuê hết toàn bộ diện tích đất công nghiệp (64.784 m<sup>2</sup> – VT1).



- Triển khai và hoàn thành thi công nhiều hạng mục/công trình hạ tầng lớn, quan trọng.
- Kết quả kinh doanh thực hiện trong năm vượt kế hoạch.

❖ **Công ty cổ phần VPID Vĩnh Phúc:**

- Hoàn thành thay đổi giấy đăng ký doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh.
- Phối hợp với Công ty mẹ xây dựng kế hoạch thi công, đảm bảo cấp điện cho Dự án KCN Sông Lô II.

- Lập phương án đề xuất lắp đặt điện NLMT tại Tòa nhà Trụ sở Công ty mẹ và Nhà máy XLNT tập trung KCN Khai Quang.

❖ **Công ty TNHH MTV Xây Dựng Sông Lô:** Thực hiện công việc theo sự phân công của Công ty mẹ.

**b/ Các công ty liên kết:**

❖ **Công ty cổ phần đầu tư phát triển VL:**

- Tình hình hoạt động: Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chưa có doanh thu.

**4. Tình hình tài chính của Công ty:**

**4.1. Tình hình tài chính:**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm TH2025/TH2024
1	Tổng giá trị tài sản	1.880.038	2.001.178	6,44%
2	Vốn chủ sở hữu	874.648	941.717	7,67%
3	Doanh thu thuần	130.940	177.648	35,67%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	134.795	153.586	13,94%
5	Lợi nhuận khác	18.801	2.966	-84,23%
6	Lợi nhuận trước thuế	153.596	156.552	1,92%
7	Lợi nhuận sau thuế	134.159	130.131	-3,00%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.011	2.933	-2,57%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 của VPID

**4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm TH2025/TH2024
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn):	3,00	2,33	-22,39%
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn)	3,00	2,33	-22,39%
2	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,535	0,529	-1,00%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,15	1,13	-2,13%
3	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	346,15	548,54	58,47%



TT	Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm TH2025/TH2024
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,07	0,09	27,46%
4	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,02	0,73	-28,51%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,15	0,14	-9,91%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,07	-8,87%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,03	0,86	-16,02%

#### 4.3. Các chỉ tiêu cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm TH2025/ TH2024
<b>Cơ cấu tài sản:</b>			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	0,2580	0,2318	-10,14%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	0,7420	0,7682	3,53%
Tỷ số nợ / Tổng tài sản	0,53	0,53	-1,00%
<b>Cơ cấu nguồn vốn:</b>			
Tỷ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1,15	1,13	-2,13%
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0,53	0,53	-1,00%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	0,47	0,47	1,15%
<b>Tỷ suất lợi nhuận:</b>			
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	0,07	0,07	-8,87%
Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	0,15	0,14	-9,91%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1,02	0,73	-28,51%

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### 5.1. Cổ phần:

Tính đến ngày 30/09/2025, vốn điều lệ của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ:	412.367.770.000	VND
- Khối lượng cổ phiếu đã niêm yết:	41.236.777	Cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ:	0	Cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành:	41.236.777	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:	0	Cổ phiếu



- Số liệu năm 2025 được lập theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC lập tại ngày đăng ký cuối cùng 11/03/2025. Số liệu năm 2024 được lập theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC lập cho ngày đăng ký cuối cùng 05/03/2024 thì cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

TT	Diễn giải	Năm 2024		Năm 2025	
		Số cổ đồng	Tỷ lệ nắm giữ CP	Số cổ đồng	Tỷ lệ nắm giữ CP
<b>1</b>	<b>Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:</b>	<b>1102</b>	<b>100%</b>	<b>1313</b>	<b>100%</b>
	Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số CPPT	3	43,17%	4	45,01%
	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% tổng số CPPT	12	25,87%	10	22,06%
	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP	1087	30,96%	1299	32,93%
<b>2</b>	<b>Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:</b>	<b>1102</b>	<b>100%</b>	<b>1313</b>	<b>100%</b>
	Tổ chức (trong nước, nước ngoài)	17	18,11%	18	19,52%
	Cá nhân (trong nước, nước ngoài)	1085	81,89%	1295	80,48%
<b>3</b>	<b>Cổ đông trong nước và nước ngoài:</b>	<b>1102</b>	<b>100%</b>	<b>1313</b>	<b>100%</b>
	Cổ đông trong nước (tổ chức, cá nhân)	1067	81,31%	1277	80,29%
	Cổ đông nước ngoài (tổ chức, cá nhân)	35	18,69%	36	19,71%
<b>4</b>	<b>Cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:</b>	<b>1102</b>	<b>100%</b>	<b>1313</b>	<b>100%</b>
	Cổ đông nhà nước	0	0,00%	0	0,00%
	Cổ đông khác (Không phải CĐ nhà nước)	1102	100%	1313	100%

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

TT	Thời gian	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn ĐL sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1.	06/2003	9.999	9.999	Thành lập	Sở KHĐT tỉnh Vĩnh phúc	Không
2.	01/2007	5.001	15.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư khác	Sở KHĐT tỉnh Vĩnh phúc	Không
3.	07/2007	12.000	27.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư khác	Sở KHĐT tỉnh Vĩnh phúc	Không
4.	08/2008	7.800	34.800	Thưởng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, tỷ lệ phân bổ quyền: 1.000:288 (cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu sẽ được nhận 288 cổ phiếu mới)	Sở KHĐT tỉnh Vĩnh phúc	Không



TT	Thời gian	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn ĐL sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
5.	12/2008	485	35.285	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ phân bổ quyền 10.000:139 (cổ đông sở hữu 10.000 cổ phiếu sẽ nhận được thêm 139 cổ phiếu mới)	Sở KHĐT tỉnh Vĩnh phúc	Không
6.	01/2013	3.969,66	40.313,16	Tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012	UBCKNN	Không
7.	07/2013	4.030,36	44.343,52	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2013	UBCKNN	Không
8.	02/2014	6.651,41	50.994,93	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN	Không
9.	10/2014	509,94	51.504,87	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty	UBCKNN	Không
10.	06/2015	25.752,43	77.257,3	Tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu	UBCKNN	Không
11.	06/2016	38.394,95	115.652,25	Phát hành cổ phiếu trả tạm ứng cổ tức năm 2016 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN	Không
12.	04/2017	46.073,24	161.725,49	tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu	UBCKNN	Không
13.	03/2019	21.788,02	183.513,51	Phát hành cổ phiếu trả tạm ứng cổ tức năm 2018	UBCKNN	Không
14.	09/2021	26.720,99	210.234,5	Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu	UBCKNN	Không
15.	03/2022	42.044,56	252.279,06	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021	UBCKNN	Không
16.	02/2023	50.453,70	302.732,76	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022	UBCKNN	Không
17.	07/2023	9.981,98	311.814,74	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP 2023)	UBCKNN	Không
18.	03/2024	46.769,11	358.583,85	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023	UBCKNN	Không
19.	03/2025	53.783,92	412.367,77	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024	UBCKNN	Không



#### **5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

#### **5.5. Các chứng khoán khác: Không có**

### **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

#### **6.1. Tác động lên môi trường:**

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: hệ thống quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định. Phát triển và áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn đặc thù nhằm hạn chế phát thải KNK.

#### **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng của tổ chức trong năm: Dự án KCN Sông Lô và Dự án KCN Khai Quang trong năm có thực hiện khai thác san lấp mặt bằng tại chỗ, Công ty chấp hành nộp đầy đủ các khoản phí bảo vệ môi trường có liên quan.
- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

#### **6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tại KCN Khai Quang và KCN Châu Sơn nhà đầu tư mua điện từ EVN, công ty không quản lý trực tiếp.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:
  - + Đối với trách nhiệm là chủ đầu tư, Công ty đã chú trọng xây dựng theo hướng thân thiện và bền vững, sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như: bóng đèn led tiết kiệm điện, hệ thống bình nước nóng năng lượng mặt trời. Đối với khối văn phòng: Hạn chế sử dụng điện và các thiết bị điện trong giờ cao điểm, sử dụng thiết bị ít tiêu tốn năng lượng, tắt các thiết bị khi không sử dụng.
  - + Đối với việc tiết kiệm năng lượng tiêu hao của các nhà đầu tư trong KCN thì tùy thuộc vào đặc điểm quy trình sản xuất và kế hoạch sử dụng năng lượng của từng nhà đầu tư, công ty không kiểm soát được.

#### **6.4. Tiêu thụ nước:**

- Các KCN của Công ty đều sử dụng nước sạch do công ty nước cung cấp. Toàn bộ nguồn nước đã qua sử dụng được thải vào hệ thống nước thải tập trung của KCN. KCN không sử dụng nước tái chế và tái sử dụng.

#### **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Các KCN của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định về bảo vệ môi trường.

#### **6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Tổng số người lao động trong Công ty là 113 người, mức lương trung bình là ~ 14,8 triệu đồng/người/tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm cho cán bộ nhân viên (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp khó khăn,...), chăm lo sức khỏe cho người lao động (trang bị đầy đủ bảo hộ lao động,...). Các chế độ khen thưởng luôn kịp thời tùy thuộc vào tình hình tài chính công ty. Thường các ngày lễ lớn như: Tết Nguyên đán, Tết Dương lịch, thưởng 2/9, 1/5. Ngoài ra hàng năm đều tổ chức các đợt du lịch cho người lao động.

#### **6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

- Công ty tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ, từ thiện tại các địa phương Công ty đang hoạt động.



## **6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh:**

- Tổng hạn mức vay quỹ BVMT tỉnh Vĩnh Phúc cho Khu công nghiệp Khai Quang: 12 tỷ đồng - đã giải ngân hết
- Tổng hạn mức vay quỹ BVMT tỉnh Vĩnh Phúc cho Khu công nghiệp Sông Lô 2: 9 tỷ đồng – đã giải ngân được 4,7 tỷ đồng.

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:**

#### **1.1. Kết quả thực hiện so với kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2025:**

##### **a/ Ưu điểm:**

- Về công tác quản lý điều hành Công ty: Năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã bám sát chủ trương định hướng của HĐQT và mục tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt; chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động của Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Về công tác phối hợp với các bộ phận trong công ty: Hội Đồng Quản Trị, Ủy Ban Kiểm Toán và Ban Tổng Giám Đốc hoạt động thường xuyên và gắn kết hơn: Điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành; Chỉ đạo sát sao, kịp thời hoạt động kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc duy trì giao ban một lần/tháng để đánh giá công việc đã thực hiện trong tháng, kế hoạch thực hiện tháng tiếp theo nhằm thực hiện tốt nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.
- Tại KCN Khai Quang: Đã hoàn thành công tác đền bù GPMB, được UBND tỉnh ban hành Quyết định giao đất các Lô đất: CN17, CN14.1, CN14.2; Hoàn thành thẩm duyệt, thi công, nghiệm thu PCCC KCN Khai Quang và được cơ quan cảnh sát về PCCC chấp thuận; Hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng Module 2 của Nhà máy XLNT tập trung KCN Khai Quang, nâng công suất của Nhà máy lên 25.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Bỏ chỉ tiêu TSS về môi trường; Thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng nước thải của các doanh nghiệp trước khi xả thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Khai Quang từ đó nâng cao hiệu quả vận hành của Nhà máy XLNT đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đúng quy định của pháp luật (giảm chi phí vận hành: điện năng, hóa chất...), không có sự cố ô nhiễm nào xảy ra.
- Tại KCN Châu Sơn: Hoàn thành các thủ tục hồ sơ pháp lý dự án nhà xưởng cho thuê; đã cho thuê hết toàn bộ diện tích đất công nghiệp (64.784 m<sup>2</sup> – VT1); Triển khai và hoàn thành thi công nhiều hạng mục/công trình hạ tầng lớn, quan trọng; Kết quả kinh doanh thực hiện trong năm vượt kế hoạch.
- KCN Sông Lô II: Thực hiện công tác đền bù GPMB phần diện tích còn lại; Hoàn thiện các thủ tục pháp lý; Tổ chức thi công hạ tầng KCN; Bổ sung thêm các ngành nghề trong giấy phép môi trường, tăng cơ hội thu hút đầu tư.
- Cụm CN Hồng Đức: Tiếp tục triển khai các thủ tục về pháp lý.

##### **b/ Nhược điểm:**

- Triển khai chậm một số chỉ tiêu theo kế hoạch của năm:
  - + KCN Khai Quang: Hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán hạ tầng kỹ thuật lô CN17 KCN Khai Quang; thiết kế, thi công hạng mục: nâng cấp, cải tạo hệ thống đường ống thu gom nước thải tuyến đường TN5, QH và T12 chảy về Nhà máy XLNT tập trung KCN Khai Quang.
  - + KCN Sông Lô II: Tiến độ triển khai thi công tại KCN Sông Lô II còn chậm (do thiếu nguồn vật liệu san lấp, thời tiết mưa nhiều).

#### **1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được.**

- Công tác quản trị, điều hành công ty đã được cải tiến, tạo được thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp.



## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản:

Tổng hợp tài sản, nguồn vốn từ đầu năm đến cuối kỳ kế toán (01/10/2024 đến 30/09/2025)

Đvt: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại 30/09/2024	Tại 30/09/2025	% tăng giảm TH2025/2024
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>485.006</b>	<b>463.892</b>	<b>-4,4%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	57.387	22.255	-61,2%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	260.993	235.520	-9,8%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	158.563	182.077	14,8%
4	Hàng tồn kho	129	102	-21,1%
5	Tài sản ngắn hạn khác	7.933	23.939	201,8%
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>1.395.032</b>	<b>1.537.286</b>	<b>10,2%</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	596.903	598.795	0,3%
2	Tài sản cố định	110.134	146.818	33,3%
3	Bất động sản đầu tư	23.696	75.934	220,5%
4	Tài sản dở dang dài hạn	185.328	211.081	13,9%
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	313.685	326.719	4,2%
6	Tài sản dài hạn khác	165.287	177.938	7,7%
	<b>Tổng tài sản (I + II)</b>	<b>1.880.038</b>	<b>2.001.178</b>	<b>6,4%</b>
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>161.643</b>	<b>199.208</b>	<b>23,2%</b>
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>843.747</b>	<b>860.253</b>	<b>2,0%</b>
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	780.115	823.183	5,5%
2	Phải trả dài hạn khác	3.519	3.508	-0,3%
3	Vay và nợ dài hạn	60.113	33.562	-44,2%
<b>III</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>874.648</b>	<b>941.717</b>	<b>7,7%</b>
	<b>Tổng nguồn vốn (I+II+III)</b>	<b>1.880.038</b>	<b>2.001.178</b>	<b>6,4%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 VPID

### 2.2 Tình hình nợ phải trả

- Phải trả người bán: 5,2 tỷ đồng;
- Phải trả Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam: 20,3 tỷ đồng;
- Phải trả Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Vĩnh Phúc: 16,7 tỷ đồng.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ban Tổng Giám đốc duy trì họp giao ban toàn thể công ty (công ty mẹ với các công ty con) một lần/tháng, để tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện trong tháng và đưa ra các biện pháp khắc phục tồn tại (nếu có) và lập kế hoạch thực hiện cho tháng tiếp theo. Ngoài ra, hàng tuần công ty mẹ và công ty con đều họp giao ban tuần và gửi báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tuần kế trước và kế hoạch thực hiện tuần tiếp theo cho HĐQT nắm được tình hình hoạt động của toàn hệ thống công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### 4.1. Định hướng năm 2026:

##### ❖ KCN Khai Quang:

- Hoàn thành nghiệm thu PCCC Lô CN17 và đưa vào sử dụng.
- Hoàn thiện thi công hạ tầng Lô CN17.
- Nâng cấp – cải tạo hệ thống thu gom nước thải các tuyến TN5, QH, T12.



- Thực hiện cho thuê các diện tích đất đã hoàn thành thủ tục pháp lý.
- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào công việc.
- Tham gia hợp tác với các đối tác nghiên cứu đầu tư các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại Tỉnh Quảng Ninh và Hải Phòng...kết hợp kinh doanh logistics, cho thuê kho xưởng, khu đô thị khi có cơ hội đầu tư.

❖ **KCN Châu Sơn:**

- Hoàn thiện san nền, đường N6 – D4, hệ thống điện – nước – PCCC tại VT1.
- Nghiệm thu hoàn thành nhà xưởng 1–2–3, trạm biến áp 3.000 KVA.
- Duy tu sửa chữa hạ tầng KCN.
- Thu hút đầu tư nhà xưởng.
- Duy trì hoạt động vận hành ổn định toàn KCN.

❖ **KCN Sông Lô II, Cụm CN Hồng Đức:**

- KCN Sông Lô II:
  - + Hoàn thành BTGPMB phần diện tích còn lại;
  - + Hoàn thành các thủ tục pháp lý;
  - + Hoàn thiện thi công hạ tầng kỹ thuật: đường giao thông, cấp điện, cấp nước, chiếu sáng, PCCC..;
  - + Thu hút đầu tư: Cho thuê phần diện tích đã đủ điều kiện pháp lý.
- Cụm CN Hồng Đức: tập trung triển khai các thủ tục pháp lý bao gồm: hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công, đền bù GPMB,...

❖ **Công tác thu hút đầu tư:**

- Tập trung thu hút đầu tư, ưu tiên các nhà đầu tư Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan theo chiến lược của tỉnh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ưu tiên các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ (điện, điện tử, cơ khí chính xác,...).
- Theo dõi diễn biến thị trường chung để đề ra chiến lược cạnh tranh (giá và các dịch vụ).

**4.2. Kế hoạch tài chính năm 2026:**

**4.2.1. Kế hoạch các chỉ tiêu chính, hoạt động kinh doanh năm 2026 hợp nhất:**

- Công ty đang xây dựng kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2026, trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua. Dự kiến các chỉ tiêu chính của hoạt động kinh doanh năm 2026 hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị	Năm 2025	Kế hoạch 2026	% Tăng giảm TH2026/2025
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.001,18	2.250,00	12,43%
2	Doanh thu (Doanh thu thuần + lãi/lỗ trong liên doanh liên kết+ doanh thu tài chính + Thu nhập khác)	Tỷ đồng	253,26	258,26	1,97%
s3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	130,13	131,63	1,15%

**4.2.2. Kế hoạch phân bổ các quỹ đối với lợi nhuận sau thuế 2026:**

- Dựa trên số liệu BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, Công ty dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua tỷ lệ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026 các Quỹ:

STT	Diễn giải phân bổ	Tỷ lệ phân bổ %
1	Quỹ đầu tư phát triển	8%



2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2%
3	Quỹ khen thưởng HĐQT và BDH	5%
4	Quỹ chi trả cổ tức	85%

#### 4.2.3. Kế hoạch chi trả cổ tức 2026:

- Dự kiến mức chi Trả cổ tức cho các cổ đông trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua là 25% (Bằng tiền: 10% và cổ phiếu: 15%).

#### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- Không có.

#### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động đầu tư, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải, ...) hợp lý phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong lĩnh vực đầu tư và phát triển KCN.

b/ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Người lao động làm việc tại Công ty được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ.

c/ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty luôn xác định trách nhiệm xã hội là một trong những trụ cột phát triển bền vững, gắn liền với vai trò là nhà đầu tư – vận hành hạ tầng Khu công nghiệp. VPID cam kết đóng góp thiết thực cho cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động hỗ trợ xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh – an toàn và đồng hành cùng chính quyền trong phát triển kinh tế – xã hội.

- Công ty đã hỗ trợ các chương trình của xã, huyện tại Phú Thọ và Ninh Bình. Hỗ trợ người nghèo, cận nghèo, nạn nhân chất độc da cam, gia đình chính sách. Đóng góp cho các chương trình văn hóa – thể thao – giáo dục tại địa phương, hỗ trợ phát triển cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng (chùa, đền...). Hỗ trợ người lao động tại địa phương thông qua các chương trình chăm lo đời sống, hỗ trợ đột xuất, tổ chức các hoạt động tập thể cộng đồng.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

- Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quan trọng đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát chặt chẽ những hoạt động của Ban Lãnh đạo cũng như các bộ phận hỗ trợ để đảm bảo sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty. Hội đồng quản trị đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình, tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và nỗ lực lãnh đạo Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với trách nhiệm cao cả đến lợi ích của cổ đông và người lao động, Hội đồng quản trị luôn cố gắng hoàn thành cao nhất kế hoạch về lợi nhuận đã được giao. Ban Tổng Giám đốc được ủy quyền để điều hành hoạt động Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc phải thường xuyên báo cáo và trao đổi với Hội đồng quản trị để đảm bảo sự phối hợp và điều chỉnh kịp thời để đạt được các mục tiêu với hiệu quả cao nhất. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải luôn phối hợp chặt chẽ với nhau và thực hiện mối quan hệ quản trị - điều hành theo đúng Điều lệ và các Quy chế nội bộ. Những hành động này đảm bảo sự ổn định và bền vững của Công ty trong dài hạn và đồng thời đem lại lợi ích lớn nhất cho cổ đông và người lao động.



## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:**

- Hội đồng quản trị xem xét cẩn trọng, đưa ra các khuyến nghị, chỉ đạo để Ban Tổng Giám đốc điều hành công ty một cách tốt nhất. Giám sát việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHCĐ đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao.
- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các giải pháp kinh doanh phù hợp với chủ trương của Hội đồng quản trị và các quyết định, nghị quyết được ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Định kỳ tháng/quý Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Công tác triển khai kinh doanh dự án: Công ty đã đề ra kế hoạch dài hạn để tập trung chăm sóc tốt các khách hàng tại các KCN đã lắp đầy. Đồng thời, triển khai việc tìm kiếm và phát triển dự án mới cũng được xác định là mục tiêu trọng tâm trong những năm tiếp theo. Sự khởi sắc của dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cũng là cơ hội để Công ty thu hút đầu tư và phát triển kinh doanh.
- Công tác nhân sự: Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đã xác định ưu tiên hàng đầu cho công tác nhân sự. Điều này bao gồm việc đảm bảo nguồn nhân lực đủ số lượng và chất lượng cao để đáp ứng hoạt động linh hoạt và phát triển của Công ty. Đồng thời, công tác đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên cũng được chú trọng để nâng cao chất lượng và hiệu suất làm việc.
- Công tác quản trị doanh nghiệp: Công ty luôn hướng tới việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, tuân thủ và đáp ứng các quy định theo Luật chứng khoán. Đặc biệt, công khai minh bạch thông tin là một trong những yếu tố quan trọng để tạo sự tin tưởng và sự ủng hộ của khách hàng, đối tác và cổ đông.
- Công tác chuyển đổi số và số hóa dữ liệu: Công ty tập trung vào việc áp dụng công nghệ, chuyển đổi số, áp dụng phần mềm quản lý doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý để nâng cao hiệu quả và tối ưu hoá quy trình.
- Công tác bảo vệ môi trường: Phát triển bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề được Công ty đặc biệt quan tâm.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

#### **1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

- Tính đến 30/9/2025, Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty gồm 09 người có nhiệm kỳ 5 năm (2024 – 2028), gồm các thành viên sau:

1. Ông Hoàng Đình Thắng – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trịnh Việt Dũng – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Lê Tùng Sơn – Thành viên HĐQT
4. Ông Phùng Văn Quý – Thành viên HĐQT
5. Ông Phạm Trung Kiên – Thành viên HĐQT
6. Bà Nguyễn Ngọc Lan – Thành viên HĐQT kiêm TGD.
7. Ông Phạm Hữu Ánh – Thành viên độc lập HĐQT
8. Bà Nguyễn Thuỳ Linh – Thành viên độc lập HĐQT



9. Ông Tôn Tích Quang Nam – Thành viên độc lập HĐQT

✚ *Cơ cấu của Hội đồng quản trị:*

- Trong 09 TV HĐQT có 08/09 thành viên HĐQT không tham gia Ban điều hành, tham gia các Ban, Tiểu Ban trực thuộc HĐQT, 03/09 là thành viên độc lập HĐQT, 01/09 thành viên HĐQT tham gia Ban điều hành.

Trong 09 TV HĐQT có 03/09 thành viên HĐQT là cổ đông sáng lập.

✚ *Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT: xem Phụ lục 1*

✚ *Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên HĐQT:*

Số liệu năm 2025 được lập theo danh sách Người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập cho ngày đăng ký cuối cùng 11/03/2025 (Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024), số liệu năm 2024 được lập tại ngày đăng ký cuối cùng 05/03/2024 tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên HĐQT như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Năm 2024		Năm 2025		% Thay đổi
			SL CP	Tỷ lệ, %	SL CP	Tỷ lệ, %	
1	Hoàng Đình Thăng	CT HĐQT	4.593.814	12,64%	5.213.885	12,64%	0,00%
2	Trịnh Việt Dũng	Phó CT HĐQT	2.853.144	7,96%	3.281.115	7,96%	0,00%
3	Lê Tùng Sơn	TV HĐQT	1.209.633	3,37%	1.391.076	3,37%	0,00%
4	Phùng Văn Quý	TV HĐQT	1.094.121	3,05%	1.258.239	3,05%	0,00%
5	Phạm Trung Kiên	TV HĐQT	325.196	0,91%	373.974	0,91%	0,00%
6	Nguyễn Ngọc Lan	TV HĐQT kiêm TGD	241.769	0,67%	278.034	0,67%	0,00%
7	Phạm Hữu Ánh	TV HĐQT độc lập	169.204	0,47%	192.284	0,47%	0,00%
8	Nguyễn Thùy Linh	TV HĐQT độc lập	59.691	0,17%	68.644	0,17%	0,00%
9	Tôn Tích Quang Nam	TV HĐQT độc lập	0	0,00%	0	0,00%	0,00%
	<b>Tổng</b>		<b>10.546.572</b>	<b>29,24%</b>	<b>12.057.251</b>	<b>29,24%</b>	<b>0,00%</b>

**1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

- Tính đến thời điểm 30/9/2025, HĐQT hiện có 4 tiểu ban trực thuộc là Ủy Ban kiểm toán, Tiểu Ban đầu tư tài chính và Tiểu Ban xây dựng cơ bản, Tiểu Ban đổi mới doanh nghiệp, cơ cấu thành viên như sau:



<b>TT</b>	<b>Tên tiểu ban</b>	<b>Trưởng tiểu ban</b>	<b>Thành viên</b>
1	Ủy Ban kiểm toán	Ông Phạm Hữu Ánh	Bà Nguyễn Thùy Linh
2	Tiểu Ban đầu tư tài chính	Ông Phạm Hữu Ánh	Ông Phạm Trung Kiên Bà Nguyễn Ngọc Lan Ông Nguyễn Huy Tùng
3	Tiểu Ban xây dựng cơ bản	Ông Lê Tùng Sơn	Ông Nguyễn Mạnh Hà
4	Tiểu Ban đổi mới doanh nghiệp	Ông Trịnh Việt Dũng	Ông Phạm Hữu Ánh Ông Nguyễn Mạnh Hà Ông Phạm Trung Kiên Bà Nguyễn Ngọc Lan

### **1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2025 đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- HĐQT đã duy trì tổ chức họp thường kỳ hàng quý và các cuộc họp bất thường.

- HĐQT đã tham gia các buổi họp giao ban của Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) hàng tháng để nắm bắt tình hình công việc đã thực hiện tháng trước và định hướng các công việc cho Ban TGD thực hiện tháng tiếp theo.

- HĐQT cũng giám sát các công việc triển khai của Ban TGD hàng tuần thông qua các báo cáo nhanh hàng tuần gửi cho các TV HĐQT để có ý kiến đóng góp cho kế hoạch thực hiện (nếu thấy cần thiết).

- Ngoài ra, HĐQT cũng sát sao chỉ đạo, kiểm tra giám sát Ban điều hành tuân thủ các quy định của pháp luật, tổ chức công bố thông tin thường kỳ và bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

- Chỉ đạo nghiên cứu và làm việc với một số tỉnh để thành lập dự án đầu tư mới.

- Trong năm 2025, HĐQT đã tiến hành họp 11 phiên và phê duyệt các nội dung cụ thể:

<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung chính thông qua</b>
0410.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	04/10/2024	V/v Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn tổng thầu thi công xây dựng Công trình: Nhà máy xử lý nước thải KCN Sông Lô II, Mô đun 1
1110.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	11/10/2024	V/v Phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và chi phí phát sinh TVGS XL02 (lần 2)
1410.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	14/10/2024	V/v Báo cáo sơ bộ kết quả kinh doanh năm 2024 và dự kiến kế hoạch năm 2025
1410.2/2024/NQ- HĐQT/IDV	14/10/2024	V/v Ban hành quy trình thẩm tra Xây dựng cơ bản
1410.3/2024/NQ- HĐQT/IDV	14/10/2024	V/v Chủ trương thanh lý hợp đồng thi công xây dựng với Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng số 18
1410.4/2024/NQ- HĐQT/IDV	14/10/2024	V/v gia hạn hợp đồng vay với Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng số 18
1410.5/2024/NQ- HĐQT/IDV	14/10/2024	V/v tham gia đấu giá và chi phí đấu giá mỏ đất



<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung chính thông qua</b>
1410.6/2024/NQ- HĐQT/IDV	14/10/2024	V/v thanh lý cù Larsen gia cố Module 2 cũ khi thi công Module 1
1410.7/2024/NQ- HĐQT/IDV	14/10/2024	V/v kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
1610.1/2024/NQ- HĐQT/IDV	16/10/2024	V/v Phê duyệt các hạng mục phát sinh gói thầu thi công giai đoạn 2 hệ thống cấp nước PCCC và trạm bơm PCCC, KCN Khai Quang
1810.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	18/10/2024	V/v phê duyệt thay đổi vật liệu và hỗ trợ chi phí khi thay đổi đắp đất K98 thành đắp cát K98, bổ sung vài địa kỹ thuật – Gói thầu XL02, KCN Sông Lô II
2110.1/2024/NQ- HĐQT/IDV	21/10/2024	V/v Thanh lý Hợp đồng kiểm toán với VACO và ký Hợp đồng kiểm toán mới
2110.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	21/10/2024	V/v Phê duyệt chi phí triển khai hạng mục: Kè chống sạt lở móng cột điện số 36 đường dây 110 kV Việt Trì – Lập Thạch
2210.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/10/2024	V/v Phê duyệt ký hợp đồng cho vay ngắn hạn với L18
2210.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/10/2024	V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thi công Gói thầu (XL04): Trụ sở Ban quản lý Khu công nghiệp Sông Lô II
2510.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	25/10/2024	V/v Phê duyệt Phương thức lựa chọn nhà thầu và Danh sách nhà thầu chỉ định thầu Tư vấn giám sát công trình: Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Sông Lô II, Mô đun 1
0311.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	03/11/2024	V/v Phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC, khối lượng thi công, hình thức lựa chọn nhà thầu, bảng thông tin chính Gói thầu San nền lô CN05 (Giai đoạn 2) và Gói thầu san nền khu DV01, HTKT02
0811.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	08/11/2024	V/v phê duyệt một số nội dung liên quan đến công tác chuẩn bị Đại hội cổ đông 2025
1411.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	14/11/2024	V/v Phê duyệt thời gian và địa điểm tổ chức, ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
1411.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	14/11/2024	V/v Chi tạm ứng trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho cổ đông
2211.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	22/11/2024	V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát thi công Gói thầu (XL04): Trụ sở Ban quản lý KCN Sông Lô II
2511.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	25/11/2024	V/v Phê duyệt các nội dung liên quan đến Gói thầu San nền lô CN05 (Giai đoạn 2) và san nền khu DV01, HTKT02
2711.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	27/11/2024	V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu



<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung chính thông qua</b>
		thi công gói thầu: Cọc xi măng đất tuyến đường T2, T4, kênh B 12.000 và Phương án làm mặt bằng biện pháp thi công – Khu công nghiệp Sông Lô II
2911.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	29/11/2024	V/v Phê duyệt Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, Dự toán hạng mục: Thoát nước mưa (Tường rào bảo vệ trụ điện cao thế 500kV) nằm trong hành lang tuyến đường dây 500kV Sơn La – Hiệp Hòa, Hiệp Hòa – Việt Trì thuộc Khu công nghiệp Sông Lô II
0212.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	02/12/2024	V/v áp dụng thực hiện cơ chế mới cho hoạt động của Tiểu ban Xây dựng cơ bản đối với các công việc tại Khu công nghiệp Sông Lô II
0212.2/2024/NQ- HĐQT/IDV	02/12/2024	V/v Lựa chọn Đoàn chủ tịch cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
0212.3/2024/NQ- HĐQT/IDV	02/12/2024	V/v Tỷ lệ sở hữu vốn tại Đồng Văn III
0212.4/2024/NQ-HĐQT/IDV	02/12/2024	V/v Tìm kiếm địa điểm làm văn phòng tại Hà Nội
0212.5/2024/NQ-HĐQT/IDV	02/12/2024	V/v Vay vốn Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Vĩnh Phúc và lựa chọn ngân hàng bảo lãnh
0212.6/2024/NQ-HĐQT/IDV	02/12/2024	V/v phê duyệt chi phí đắp bù đất còn thiếu để bảo vệ mái Taluy ĐT.307B
0212.7/2024/NQ- HĐQT/IDV	02/12/2024	V/v Bổ sung nhân sự cho Ban Kiểm toán nội bộ
0312.1/2024/NQ- HĐQT/IDV	03/12/2024	V/v Phê duyệt các nội dung liên quan đến Gói thầu San nền khu DV01, HTKT02
1012.1/2024/NQ- HĐQT/IDV	10/12/2024	V/v phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC và Dự toán một số hạng mục tại KCN Sông Lô II
1212.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	12/12/2024	V/v phê duyệt Hình thức lựa chọn nhà thầu, Danh sách ngăn các nhà thầu; Hồ sơ mời thầu và Giá trần gói thầu thi công một số hạng mục tại KCN Sông Lô li
1712.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	17/12/2024	V/v Chuẩn bị tài liệu phục vụ cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
1712.2/2024/NQ-HĐQT/IDV	17/12/2024	V/v Chủ trương Nghiên cứu đầu tư KCN Kim Bảng II – tỉnh Hà Nam
1712.3/2024/NQ-HĐQT/IDV	17/12/2024	V/v Tăng phụ cấp thâm niên cho các thành viên Ban điều hành
1712.4/2024/NQ-HĐQT/IDV	17/12/2024	V/v Phê duyệt các nội dung liên quan đến Gói thầu San nền lô CN05 (Giai đoạn 2) phân kỳ 1 – KCN Sông Lô II



<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung chính thông qua</b>
2412.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	24/12/2024	V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng thi công gói thầu XL05 – KCN Sông Lô II
2412.2/2024/NQ- HĐQT/IDV	24/12/2024	V/v Trả lời Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty cổ phần thủy điện Trung Thu
3012.1/2024/NQ-HĐQT/IDV	30/12/2024	V/v Phê duyệt Hình thức LCNT, Danh sách ngắn các nhà thầu; Hồ sơ mời thầu và Giá trần gói thầu XL06 – thi công Phần xây dựng Nhà máy xử lý nước thải KCN Sông Lô II
3012.2/2024/NQ- HĐQT/IDV	30/12/2024	V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống đường ống nước thải tuyến đường TN5, QH và TI2 chảy về Nhà máy XLNT tập trung KCN Khai Quang
0401.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	04/01/2025	V/v Chỉ định nhà thầu Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống đường ống xử lý nước thải chảy về Nhà máy XLNT tập trung KCN Khai Quang
0601.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	06/01/2025	V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu TVGS thi công gói thầu XL05 – KCN Sông Lô II
0601.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	06/01/2025	V/v Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán hạng mục: Xây dựng lán để xe ô tô trụ sở văn phòng VPID
0801.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	08/01/2025	V/v Phê duyệt chi phí và ủy quyền cho BDH toàn quyền quyết định các nội dung liên quan đến việc triển khai hạng mục: Kè chống sạt lở móng cột điện số 36 đường dây 110kV Việt Trì-Lập Thạch, KCN Sông Lô II
0801.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	08/01/2025	V/v Phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC và Dự toán hạng mục: Hệ thống kênh dẫn nước xả từ trạm bơm Hoa mỹ vòng qua phạm vi thi công nút N3, Khu công nghiệp Sông Lô II
1401.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	14/01/2025	V/v Phê duyệt giao dịch giảm vốn góp tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam và lựa chọn đơn vị thẩm định giá
1601.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	16/01/2025	V/v Phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và chi phí phát sinh TVGS gói thầu XL03 – KCN Sông Lô II
1601.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	16/01/2025	V/v Phê duyệt gia hạn thời gian thực



<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung chính thông qua</b>
		hiện hợp đồng và chi phí phát sinh TVGS gói thầu XL02 – KCN Sông Lô II
1701.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	17/01/2025	V/v Phê duyệt Kết quả chào giá cạnh tranh lần 1, phê duyệt Hồ sơ yêu cầu và danh sách ngăn các nhà thầu tham gia chào giá cạnh tranh lần 2 (phần xây dựng): Nhà máy XLNT KCN Sông Lô II, Module 1 công suất 3.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm
2001.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	20/01/2025	V/v Phê duyệt mức thưởng hoàn thành kế hoạch năm 2024
2101.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	21/01/2025	V/v Phê duyệt Kết quả chỉ định nhà thầu thi công phần công nghệ: Nhà máy Xử lý nước thải Khu công nghiệp Sông Lô II, Module 1 công suất 3.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm
2401.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	24/01/2025	V/v Phê duyệt mức thù lao HĐQT trong năm tài chính 2025
0402.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	04/02/2025	V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (lần 2) thi công phần xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Sông Lô II
0602.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	06/02/2025	V/v Phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC, Dự toán và Chi phí di dời, nâng cấp đường ống cấp nước sạch đoạn qua Khu công nghiệp Sông Lô II
1302.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	13/02/2025	V/v Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024
1302.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	13/02/2025	V/v Phê duyệt giá trị cho phần khối lượng ngoài tiên lượng mời thầu của HSYC gói thầu thi công phần xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Sông Lô II, Module 1
1402.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	14/02/2025	V/v Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát thi công gói thầu: Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Sông Lô II, Module 1 có công suất 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm
2502/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2025	V/v Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2024
2502.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2025	V/v Báo cáo sơ bộ kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2025
2502.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2025	V/v Tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu việc góp vốn vào Công ty Minh Việt
2502.3/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2025	V/v Chủ trương tiếp tục tham gia góp vốn để triển khai KCN Kim Bảng IV
2502.4/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2025	V/v Tiếp tục ký hợp đồng với ông Nguyễn Mạnh Hùng – phó Ban QLDA



Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
		KCN Sông Lô II
2502.5/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2025	V/v Phê duyệt hình thức lựa chọn nhà thầu xây lắp và danh sách ngăn các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế gói thầu: Thay thế hệ thống điện chiếu sáng bằng cáp nhôm treo, cột bê tông cốt thép, đèn Led – KCN Khai Quang
2502.6/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2025	V/v Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án KCN Sông Lô II
2502.7/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2025	V/v Phân công nhân sự vào Ban đổi mới doanh nghiệp
2502.8/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2025	V/v Điều chỉnh mức phụ cấp của Trưởng/phó Tiểu ban Xây dựng cơ bản
2502.9/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2025	V/v Phê duyệt Báo cáo kiểm toán nội bộ đột xuất của Kiểm toán nội bộ
2502.10/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2025	V/v Thực hiện định giá Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam
0603.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	06/03/2025	V/v Phê duyệt Lựa chọn lại nhà thầu, điều chỉnh giá trần và kết quả lựa chọn (lần 2) nhà thầu thi công gói thầu XL05 – Khu công nghiệp Sông Lô II
1103.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	11/03/2025	V/v Phê duyệt giá trần và thông tin chính, yêu cầu gói thầu Hạng mục: Xây dựng lán để xe ô tô trụ sở văn phòng VPID
1703.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	17/03/2025	V/v Trả lời Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty cổ phần thủy điện Trung Thu
1803.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/03/2025	V/v Bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025 Công trình: Trải thảm mặt đường tuyến T3 – KCN Khai Quang
2403.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	24/03/2025	V/v Chủ trương tham gia đầu tư vào Khu công nghiệp Kim Bảng IV – tỉnh Hà Nam
2403.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	24/03/2025	V/v Chủ trương chuyển nhượng lại Cụm công nghiệp Hồng Đức – tỉnh Hải Dương
2403.3/2025/NQ-HĐQT/IDV	24/03/2025	V/v Báo cáo về công việc Quản lý vận hành Khu công nghiệp và các bộ phận trong công ty
2403.4/2025/NQ-HĐQT/IDV	24/03/2025	V/v Điều chỉnh mức lương áp dụng đối với Kế toán trưởng VPID Hà Nam
2403.5/2025/NQ-HĐQT/IDV	24/03/2025	V/v Chủ trương đầu tư thêm cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18
2403.6/2025/NQ-HĐQT/IDV	24/03/2025	V/v Bổ nhiệm vị trí Trưởng ban Đổi mới doanh nghiệp
2403.7/2025/NQ-HĐQT/IDV	24/03/2025	V/v Phê duyệt giao dịch với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18



<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung chính thông qua</b>
2503.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/03/2025	V/v Phê duyệt mua xe chữa cháy cho Đội PCCC&CNCH chuyên ngành KCN Khai Quang
2503.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/03/2025	V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2025
3103.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	31/03/2025	V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hạng mục: Xây dựng lán để xe ô tô trụ sở văn phòng VPID
0504.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	05/04/2025	V/v Phê duyệt đơn giá phát sinh gói thầu: Thi công cọc xi măng đất tuyến T2, T4 và kênh B12.000 – KCN Sông Lô II
0904.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	09/04/2025	V/v Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và chi phí phát sinh của hợp đồng Tư vấn giám sát gói thầu: Thi công cọc xi măng đất tuyến T2, T4 và kênh B12.000 – KCN Sông Lô II
1804.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/04/2025	V/v Báo cáo sơ bộ kết quả 6 tháng đầu năm, kế hoạch 6 tháng cuối năm
1804.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/04/2025	V/v Phê duyệt đơn giá cho thuê lại đất tại Khu công nghiệp Khai Quang
1804.3/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/04/2025	V/v Ủy quyền cho Tiểu ban Xây dựng cơ bản quyết định toàn bộ các công việc phát sinh ngoài Hợp đồng, ngoài thiết kế và các phát sinh khác trong quá trình triển khai các hoạt động xây dựng, cải tạo, sửa chữa, áp dụng trong toàn bộ hệ thống của VPID
1804.4/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/04/2025	V/v Ủy quyền cho Tổng giám đốc/Giám đốc công ty con ký kết hợp đồng đối với các công trình thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được Hội đồng quản trị phê duyệt
1804.5/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/04/2025	V/v Chủ trương hợp tác nghiên cứu và trồng cây thử nghiệm với Amacao Hà Nam
1804.6/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/04/2025	V/v Đầu tư xây dựng giai đoạn 1 Hệ thống truyền tải, cung cấp điện động lực cho Khu công nghiệp Sông Lô II
1804.7/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/04/2025	V/v Tính toán bù giá thi công của các gói thầu
1804.8/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/04/2025	V/v Kế hoạch san nền tại Khu công nghiệp Sông Lô II
1804.9/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/04/2025	V/v Điều chỉnh, bổ sung Quy chế tài chính
1305.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	13/05/2025	V/v Phê duyệt phát sinh một số công việc thuộc gói thầu XL05 – Khu công nghiệp Sông Lô II
1505.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	15/05/2025	V/v Phê duyệt chỉ định nhà thầu Tư vấn thẩm tra/Tư vấn thiết kế thực hiện nội dung: Kiểm tra, kiểm toán lại hồ sơ thiết



<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung chính thông qua</b>
		kế kênh B12.000 theo phương án thiết kế ban đầu (không xử lý nền đất yếu) và Lập phương án thiết kế mới trong trường hợp hồ sơ thiết kế kênh B12.000 theo phương án ban đầu không đảm bảo
1905.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	19/05/2025	V/v Phê duyệt phát sinh công việc tận dụng đất đào từ Nút N8 và Tuyến 1 để đắp lề đường Tuyến 4 và Nút N15 thuộc gói thầu XL03 – Dự án KCN Sông Lô II
1905.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	19/05/2025	V/v Phê duyệt ký hợp đồng tư vấn “Đánh giá thực trạng doanh nghiệp” với Sleader
2005.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	20/05/2025	V/v Phê duyệt thiết kế BVTC và Chỉ định nhà thầu thi công hạng mục: Cung cấp, thi công lắp đặt bơm số 6 tại trạm bơm trung chuyển – KCN Khai Quang
2005.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	20/05/2025	V/v Phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục thuộc công trình Trụ sở Ban quản lý Khu công nghiệp Sông Lô II
2705.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	27/05/2025	V/v Tuyển dụng nhân sự vào Ban kiểm toán nội bộ
2905.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	29/05/2025	V/v Phê duyệt thiết kế BVTC điều chỉnh, bổ sung đoạn ống thoát nước thải từ hố ga B5 đến hố thu của Nhà máy xử lý nước thải – Khu công nghiệp Sông Lô II
0406.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	04/06/2025	V/v Phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC và Dự toán điều chỉnh, bổ sung hạng mục giao thông (Điều chỉnh Nút N3, N10-N15, N14; Điều chỉnh tổ chức giao thông) – KCN Sông Lô II
1106.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	11/06/2025	V/v Phê duyệt vay vốn Quỹ bảo vệ Môi Trường tỉnh Vĩnh Phúc và chọn ngân hàng bảo lãnh vay vốn thực hiện vay vốn
2106.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	21/06/2025	V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư giai đoạn 2025-2026, hình thức lựa chọn nhà thầu công trình: Cấp điện KCN Sông Lô II
2106.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	21/06/2025	V/v Phê duyệt Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và chi phí phát sinh tư vấn giám sát gói thầu XL02 – KCN Sông Lô II
2106.3/2025/NQ-HĐQT/IDV	21/06/2025	V/v Phê duyệt Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và chi phí phát sinh tư vấn giám sát gói thầu XL03 – KCN Sông Lô II
3006.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	30/06/2025	V/v Phê duyệt thiết kế điều chỉnh, bổ sung PCCC hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II
0107.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	01/07/2025	V/v Thay đổi hình thức con dấu và cập nhật lại địa chỉ Công ty trên Giấy chứng



<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung chính thông qua</b>
		nhận đăng ký doanh nghiệp
0107.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	01/07/2025	V/v Phê duyệt chi phí phát sinh thi công hạng mục: tuyến ống TNT từ ga B5.1 về hồ thu nhà máy XLNT KCN Sông Lô II
0107.3/2025/NQ-HĐQT/IDV	01/07/2025	V/v Phê duyệt giá trị đầu tư và Ủy quyền cho Ban điều hành toàn quyền quyết định các nội dung liên quan đến triển khai hạng mục: Bổ sung trạm bơm và đường ống bơm nước thải HDPE D200 từ hồ ga ngã 3 đường QH giao TN5 đến hồ bơm Module 1,2 nhà máy XLNT tập trung KCN Khai Quang
0307.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	03/07/2025	V/v Phê duyệt bổ sung nhiệm vụ thiết kế, đơn giá và triển khai công việc tiếp theo đối với hạng mục thiết kế điều chỉnh Kênh B12.000 do đơn vị Công ty Newtech thực hiện
0707.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	07/07/2025	V/v Phê duyệt giao dịch giảm vốn góp tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn III tỉnh Hà Nam
0707.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	07/07/2025	V/v Phê duyệt dự thảo thỏa thuận hợp tác trồng cây xanh tại khu đất cây xanh KCN Châu Sơn
0807.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	08/07/2025	V/v Phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế, đơn giá phát sinh và thuê đơn vị Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế xử lý nền đất yếu Mương số 2 (Kênh B12.000)
1507.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2025	V/v Báo cáo sơ bộ về Kết quả sản xuất kinh doanh Quý III và kế hoạch Quý IV
1507.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2025	V/v Phê duyệt thuê Tư vấn đề rà soát, đánh giá lại toàn bộ các vấn đề liên quan đến hệ thống thu gom nước thải KCN Khai Quang
1507.3/2025/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2025	V/v Chủ trương sử dụng điện năng lượng mặt trời cho khu vực văn phòng công ty và trạm xử lý nước thải KCN Khai Quang
1507.4/2025/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2025	V/v Báo cáo của Ủy ban kiểm toán
1507.5/2025/NQ-HĐQT/IDV	15/07/2025	V/v Phê duyệt giao dịch với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18
1707.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	17/07/2025	V/v Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC, dự toán hạng mục "San nền phục vụ đấu nối, cấp điện cho KCN Sông Lô II"



<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung chính thông qua</b>
2207.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	22/07/2025	V/v Phê duyệt chủ trương tiếp tục góp vốn vào Công ty cổ phần Trung Anh
2207.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	22/07/2025	V/v Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm tra thiết kế Kênh B12.000 và tuyến T2, KCN Sông Lô II
2607.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	26/07/2025	V/v Phê duyệt đơn vị tư vấn thực hiện công việc liên quan đến hệ thống thu gom nước thải tại KCN Khai Quang
2807.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	28/07/2025	V/v Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu, giá trần và danh sách ngăn các nhà thầu dự kiến tham dự gói thầu: Thi công giai đoạn 2025-2026 công trình: Cấp điện KCN Sông Lô II – Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
2807.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	28/07/2025	V/v Phê duyệt Hình thức Lựa chọn nhà thầu; Hồ sơ yêu cầu; Giá trần; Danh sách ngăn các nhà thầu dự kiến tham dự gói thầu: Thi công san nền phục vụ đấu nối, cấp điện Dự án KCN Sông Lô II thuộc Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
2807.3/2025/NQ-HĐQT/IDV	28/07/2025	V/v Phê duyệt đơn giá, giá trị điều chỉnh hạng mục cổng hộp 2x3x3m thuộc gói thầu XL05 và chi phí phát sinh thi công hạng mục: Kênh dẫn nước trạm bơm Hoa Mỹ (trạm bơm cũ) – Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
0708.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	07/08/2025	V/v Phê duyệt đơn giá đào, xúc, vận chuyển đất từ lô CN14.1; Ca máy thi công và Hình thức lựa chọn nhà thầu thi công san nền lô CN17 KCN Khai Quang
0908.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	09/08/2025	V/v Miễn nhiệm vị trí Tổng giám đốc với Ông Phạm Trung Kiên
0908.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	09/08/2025	V/v Chủ trương thưởng đóng góp đối với Ông Phạm Trung Kiên
0908.3/2025/NQ-HĐQT/IDV	09/08/2025	V/v Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
1208.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	12/08/2025	V/v Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu SN01: Thi công san nền phục vụ đấu nối, cấp điện Dự án



<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung chính thông qua</b>
		KCN Sông Lô II (giai đoạn 1)
1308.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	13/08/2025	V/v Phê duyệt mức thưởng đóng góp đối với ông Phạm Trung Kiên
1308.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	13/08/2025	V/v Lương và các chế độ liên quan áp dụng với Bà Nguyễn Ngọc Lan – Tổng giám đốc
1308.3/2025/NQ-HĐQT/IDV	13/08/2025	V/v Điều chỉnh lại nội dung bản Dự thảo Phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng giám đốc
1308.4/2025/NQ-HĐQT/IDV	13/08/2025	V/v Điều chỉnh một số nội dung tại Ban quản lý Khu công nghiệp Sông Lô II
1408.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	14/08/2025	V/v Điều chỉnh tiến độ thực hiện và điều chỉnh cơ cấu vốn theo Tổng mức đầu tư mới đối với dự án KCN Sông Lô II
1808.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/08/2025	V/v Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu XLĐ01: Thi công giai đoạn 2025-2026 công trình “Cấp điện KCN Sông Lô II”
1808.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	18/08/2025	V/v Phê duyệt chỉ định nhà thầu tư vấn lập hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán hạng mục: Trạm biến áp cấp điện KCN Sông Lô II
2408.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	24/08/2025	V/v Phê duyệt nội dung Báo cáo tư vấn “Đánh giá thực trạng công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID)”
2508.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/08/2025	V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thi công hạng mục phòng cháy chữa cháy công trình Trụ sở Ban quản lý KCN Sông Lô II
2608.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	26/08/2025	V/v Phê duyệt Hồ sơ thiết kế BVTC, Dự toán hạng mục: Xử lý nền đất yếu Kênh B12.000 đoạn 2 và đoạn 3 của tuyến đường giao thông T2
2708.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	27/08/2025	V/v Phê duyệt xử lý điểm giao cắt tuyến cáp điện và ký Phụ lục Hợp đồng chi phí phát sinh Hạng mục: Lắp dựng cột điện động lực thuộc gói thầu XL03
2808.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	28/08/2025	V/v Phê duyệt chi phí phát sinh Hợp đồng tư vấn thiết kế hạ tầng cấp nước sinh hoạt và PCCC hạ tầng kỹ thuật KCN Sông Lô II
1009/2025/NQ-HĐQT/IDV	10/09/2025	V/v Phê duyệt hình thức lựa chọn Nhà thầu; Danh sách ngắn và Hồ sơ yêu cầu gói thầu (XL07)



<b>Nghị quyết/Quyết định</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Nội dung chính thông qua</b>
1009.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	10/09/2025	V/v Phê duyệt đơn giá điều chỉnh cho các hạng mục đắp đất và bổ sung giá trị tạm ứng hợp đồng cho Nhà thầu thi công gói thầu XL06
1909.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	19/09/2025	V/v Phê duyệt Phát sinh lần 1 Gói thầu: Thi công xây dựng, cung cấp và lắp dựng thiết bị, đào tạo chuyển giao công nghệ nhà máy xử lý nước thải KCN Sông Lô II
2309.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	23/09/2025	V/v Phê duyệt Hình thức lựa chọn nhà thầu, danh sách các nhà thầu tham gia chào hàng, Thông tin yêu cầu chính và giá trị tư vấn giám sát gói thầu XL07
2309.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	23/09/2025	V/v Phê duyệt đơn giá, khối lượng phát sinh đối với gói thầu XL05 – KCN Sông Lô II
2409.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	24/09/2025	V/v Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán điều chỉnh bổ sung, chủ trương đầu tư Giai đoạn 1 và hình thức lựa chọn Nhà thầu hạng mục: "Hạ tầng cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy KCN Sông Lô II"
2509.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	25/09/2025	V/v Phê duyệt lắp đặt điều hòa, thiết bị vệ sinh cho Trụ sở Ban quản lý KCN Sông Lô II và chỉ định các đơn vị cung cấp lắp đặt
2809.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	28/09/2025	V/v Phê duyệt chỉ định Nhà thầu thi công phần khối lượng còn lại nút N15 và tuyến T4 thuộc gói thầu XL03
2909.1/2025/NQ-HĐQT/IDV	29/09/2025	V/v Báo cáo sơ bộ về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026
2909.2/2025/NQ-HĐQT/IDV	29/09/2025	V/v Ủy quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định một số nội dung
2909.3/2025/NQ-HĐQT/IDV	29/09/2025	V/v Bổ nhiệm nhân sự Phó giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam
2909.4/2025/NQ-HĐQT/IDV	29/09/2025	V/v Đầu tư hệ thống pin lưu trữ BESS
2909.5/2025/NQ-HĐQT/IDV	29/09/2025	V/v Phê duyệt triển khai thi công đắp đất K95, K98 nền đường tuyến giao thông nội bộ Lô CN17
2909.6/2025/NQ-HĐQT/IDV	29/09/2025	V/v Điều chỉnh lương cho Kế toán trưởng Công ty
2909.7/2025/NQ-HĐQT/IDV	29/09/2025	V/v Điều chỉnh kế hoạch triển khai các hạng mục thi công theo yêu cầu tiến độ của Hội đồng quản trị tại Dự án KCN Sông Lô II



#### 1.4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

- Công ty hiện có 03/09 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- Với vai trò của mình, trong năm 2025 các thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã tham gia/ủy quyền tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, thực hiện đúng chức trách và nhiệm vụ được phân công, tham mưu, đóng góp ý kiến vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

##### ❖ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT hoạt động theo các nguyên tắc rõ ràng và cụ thể được quy định trong Quy chế hoạt động của từng tiểu ban.

- **Ủy Ban kiểm toán (UBKT):** Được thành lập từ ngày 26/01/2021 với mục tiêu Tham mưu, trợ giúp cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành về công tác kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro. Ngoài ra, thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- **Tiểu ban Đầu tư tài chính:** Được thành lập ngày 13/12/2023. Tiểu ban Đầu tư tài chính có chức năng nghiên cứu, đề xuất và thực hiện việc đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- **Tiểu ban Xây dựng cơ bản:** Được thành lập ngày 11/10/2023 trên cơ sở Tổ thẩm tra xây dựng cơ bản. Tiểu ban Xây dựng cơ bản có chức năng chính là xem xét, thẩm tra các hồ sơ, tài liệu về xây dựng cơ bản, hỗ trợ Hội đồng quản trị ra quyết định.

- **Ban Đổi mới doanh nghiệp:** Được thành lập ngày 25/02/2025. Ban đổi mới doanh nghiệp có nhiệm vụ làm việc với các đơn vị Tư vấn về Đổi mới và Tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm mục đích áp dụng các kỹ thuật, công cụ tiên tiến để tăng hiệu suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

#### 1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

### 2. Ủy Ban Kiểm Toán

#### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ủy Ban Kiểm Toán

STT	Thành viên Ủy Ban kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy Ban kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Phạm Hữu Ánh	Chủ nhiệm	Bổ nhiệm ngày 11/01/2024	Kỹ sư, cử nhân Kế toán
2	Bà Nguyễn Thùy Linh	Phó chủ nhiệm	Bổ nhiệm ngày 11/01/2024	Thạc sỹ quản trị kinh doanh

#### 2.2. Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán

STT	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Hữu Ánh	4	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Thùy Linh	4	100%	100%	

#### 2.3. Hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán

- Xây dựng chương trình kiểm tra, kiểm soát theo sự phê duyệt của HĐQT Công ty, triển khai thực hiện các chức năng nhiệm vụ của KTNB theo đúng pháp luật Nhà nước, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, các quy định quản lý nội bộ của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện các rủi ro, các điểm còn hạn chế trong hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.



- Tham gia ý kiến về các Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo định kỳ khác của Ban Tổng giám đốc.
- Tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT, các cuộc giao ban Công ty.
- Tham gia đóng góp ý kiến trong việc xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện các Quy chế của Công ty.
- Thực hiện và gửi báo cáo theo quy định tới HĐQT, Ban Tổng giám đốc với đề xuất và kiến nghị cụ thể.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy Ban Kiểm Toán**

#### **3.1. Lương, thù lao và các khoản lợi ích**

- Việc sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT nằm trong hạn mức đã được ĐHCĐ phê duyệt năm 2025. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, lương, các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và theo kết quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo phù hợp Điều lệ, các quy định nội bộ của VPID về lương/đãi ngộ, các quy định hiện hành có liên quan.

- Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích không thể lượng hoá bằng tiền: không có.

#### **\* Thù lao Hội đồng quản trị:**

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao 2025
1	Ông Hoàng Đình Thắng	Chủ tịch HĐQT	336.000.000
2	Ông Trịnh Việt Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	324.000.000
3	Ông Phùng Văn Quý	Thành viên HĐQT	276.000.000
4	Ông Lê Tùng Sơn	Thành viên HĐQT	300.000.000
5	Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT	276.000.000
6	Bà Nguyễn Ngọc Lan	Thành viên HĐQT	276.000.000
7	Bà Nguyễn Thùy Linh	Thành viên HĐQT độc lập – Phó chủ nhiệm Ủy Ban kiểm toán	276.000.000
8	Ông Phạm Hữu Ánh	Thành viên HĐQT độc lập – Chủ nhiệm Ủy Ban Kiểm Toán	300.000.000
9	Ông Tôn Tích Quang Nam	Thành viên HĐQT độc lập	300.000.000
<b>TỔNG</b>			<b>2.664.000.000</b>

#### **\* Lương Ban Tổng giám đốc:**

Stt	Họ và tên	Chức danh	Lương 2025
1	Ông Phạm Trung Kiên	Tổng giám đốc (Miễn nhiệm Ngày 09/08/2025)	956.373.445
2	Bà Nguyễn Ngọc Lan	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm Ngày 09/08/2025)	788.796.322
3	Ông Nguyễn Anh Đệ	Phó Tổng giám đốc	838.677.192
<b>TỔNG</b>			<b>2.583.846.959</b>



**3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người liên quan đến cổ đông nội bộ và cổ đông lớn:**

TT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/Người có liên quan/Cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hoàng Đình Thăng	Chủ tịch HĐQT	4.593.814	12,64%	5.213.885	12,64%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Nguyễn Thị Kiến	Vợ Chủ tịch HĐQT	1.483.279	4,14%	2.855.770	6,93%	Tăng do mua thêm cổ phiếu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Trịnh Việt Dũng	Phó CT HĐQT	2.853.144	7,96%	3.281.115	7,96%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Tạ Phạm Bích Thủy	Vợ Phó Chủ tịch HĐQT	1.563.474	4,36%	1.797.995	4,36	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Trịnh Cường Việt	Em trai Phó Chủ tịch HĐQT	337.767	1,08%	388.432	0,94%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu, giảm do bán cổ phiếu
6	Lê Tùng Sơn	TV HĐQT	1.209.633	3,37%	1.391.076	3,37%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Lê Hoàng Yến	Vợ TV HĐQT	193.478	0,54%	234.689	0,57%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
8	Lê Quốc Minh	Em trai TV HĐQT	179.644	0,50%	196,125	0,48%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
9	Nguyễn Thị Anh Mai	Em dâu TV HĐQT	171.413	0,48%	188.600	0,46%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
10	Nguyễn Quang Trung	Em rể TV HĐQT	46.474	0,13%	74.886	0,18%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
11	Phùng Văn Quý	TV HĐQT	1.094.121	3,05%	1.258.239	3,05%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
12	Nguyễn Văn Sâm	Em rể TV HĐQT	14.522	0,04%	16.700	0,04%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
13	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	Con dâu TV HĐQT	77.280	0,22%	88.872	0,22%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
14	Phùng Thị Lan Phương	Con rể TV HĐQT	22.080	0,06%	25.392	0,06%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
15	Phùng Tiến Nghĩa	Em trai TV HĐQT	15.441	0,04%	17.756	0,04%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
16	Phùng Thị Vụ	Em gái TV HĐQT	8.099	0,02%	9.312	0,02%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
17	Phùng Văn Thú	Anh trai TV HĐQT	78.944	0,22%	56.285	0,14%	Giảm do bán cổ phiếu, tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu



TT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/Người có liên quan/Cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
18	Nguyễn Ngọc Lan	TV HĐQT, TGD	241.769	0,67%	278.034	0,67%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
19	Phạm Trung Kiên	TV HĐQT	325.196	0,91%	373.974	0,91%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
20	Phạm Hữu Ánh	TV độc lập HĐQT	169.204	0,47%	192.284	0,47%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
21	Phạm Hữu Ái	Anh trai TV độc lập HĐQT	610.520	1,70%	702.098	1,70%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
22	Nguyễn Thị Lâm Hạnh	Vợ TV độc lập HĐQT	138.264	0,39%	159.003	0,39%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
23	Phạm Thị Thu Hằng	Em gái TV độc lập HĐQT	10.018	0,03%	11.520	0,03%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
24	Nguyễn Thị Phương Ngọc	Chị dâu TV độc lập HĐQT	116.338	0,32%	133.791	0,32%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
25	Nguyễn Thùy Linh	Thành viên độc lập HĐQT	59.691	0,17%	68.644	0,17%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
26	Nguyễn Anh Đệ	P.TGD	179.294	0,50%	206.188	0,50%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
27	Nguyễn Thị Hoàn	KTT	119.054	0,33%	79.412	0,19%	Giảm do bán cổ phiếu, tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
28	Nguyễn Huy Tùng	Thư ký HĐQT, người được ủy quyền CBTT	6.793	0,02%	7.811	0,02%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
29	Vũ Thị Hồng Trà	Mẹ TK HĐQT, CBTT	39.085	0,11%	54.947	0,13%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và mua thêm cổ phiếu
30	Nguyễn Vũ Hà Linh	Em gái TK HĐQT, CBTT	4.172	0,01%	24.797	0,06%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và mua thêm cổ phiếu





TT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/Người có liên quan/Cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
31	American LLC	Cổ đông lớn	6.269.234	17,48%	7.209.619	17,48%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu
32	Trịnh Thị Hồng Ngọc	Em gái Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	312.465	0,76%	Tăng do mua cổ phiếu
33	Vũ Anh Tuấn	Chồng TV HĐQT, TGD	0	0%	9.000	0,02%	Tăng do mua cổ phiếu

### 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ, người liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Phát sinh
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18	Cùng thành viên HĐQT	Giá trị thi công, công trình	18.254.629.630
		Mua bất động sản	113.548.455.205
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ			
Công ty cổ phần Thủy điện Trung Thu	Thành viên HĐQT là cổ đông lớn của CTCP Thủy điện Trung Thu	Lợi nhuận được chia	6.890.277.692
Tiền cho vay, lãi cho vay			
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18	Cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.127.525.088
		Thu lãi cho vay	1.823.360.704
		Cho vay	62.334.417.550
		Thu gốc cho vay	87.234.417.550
Tiền vay, lãi vay phát sinh			
Công ty cổ phần Trung Anh	Cùng thành viên HĐQT	Chi phí lãi vay	150.082.718
		Trả lãi tiền vay	160.569.864
		Tiền đi vay	18.846.000.000
		Trả gốc vay	9.000.000.000

### 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, của các cơ quan quản lý nhà nước đối với công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, nhờ vậy đã từng bước tạo niềm tin cho các cổ đông, cho người lao động và làm tiền đề cho việc phát triển trong những năm tới.

- Thời gian công bố thông tin các Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị công ty như sau:

Thời điểm	Loại Báo cáo	Chưa soát xét	Đã soát xét/Kiểm toán
Quý 1	BCTC công ty mẹ	20/01/2025	
Quý 1	BCTC hợp nhất	20/01/2025	
Quý 2	BCTC công ty mẹ	18/04/2025	
Quý 2	BCTC hợp nhất	18/04/2025	
Bán niên	BCTC công ty mẹ đã soát xét		28/04/2025



Thời điểm	Loại Báo cáo	Chưa soát xét	Đã soát xét/Kiểm toán
Bán niên	BCTC hợp nhất đã soát xét		28/04/2025
Quý 3	BCTC công ty mẹ	18/07/2025	
Quý 3	BCTC hợp nhất	18/07/2025	
Bán niên	BC quản trị công ty Bán niên	29/07/2025	
Quý 4	BCTC công ty mẹ	20/10/2025	
Quý 4	BCTC hợp nhất	20/10/2025	
Cả năm	BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán	11/11/2025	
Cả năm	BCTC hợp nhất đã kiểm toán	11/11/2025	

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

### ❖ Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam”.

(Báo cáo tài chính hợp nhất được Kiểm toán năm 2025– Moore AISC)

### ❖ Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán gồm: Báo cáo của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán được đăng tải trên Website: <http://www.vpid.vn>, được công bố thông tin theo đúng quy định của Luật chứng khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC (đã công bố thông tin trên trang điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCK Nhà Nước) và được lưu tại trụ sở chính Công ty. (Chi tiết tại phụ lục 2)

### Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- HĐQT; UBKT;
- website: [www.vpid.vn](http://www.vpid.vn);
- Lưu VT

Phụ Thọ, ngày 01 tháng 12 năm 2025

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO  
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Nguyễn Ngọc Lan**



## Phụ Lục 1

### Lý lịch của các thành viên HĐQT và Ban điều hành

#### **Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT:**

HĐQT có 01 thành viên tham gia Ban điều hành nên lý lịch 01 thành viên được nêu tại phần lý lịch của Ban điều hành, các thành viên còn lại như sau:

#### **Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: **Hoàng Đình Thắng**  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 05/01/1959  
Nơi sinh: Hướng Đạo, Tam Dương, Vĩnh Phúc  
CMND: 026059003220 Ngày cấp: 13/05/2023 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 15 ngõ 4, Phố Phương Mai, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện hóa

#### **Quá trình công tác:**

- + 1980-1988: Giáo viên Trường Cao đẳng Hóa chất
- + 1988-1992: Cán bộ kỹ thuật, Nhà máy sứ Teplice
- + 1992-1999: Giám đốc công ty HANT
- + 1999 -2020: Tổng giám đốc TTTM Sapa
- + 2020 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị TTTM Sapa
- + 2004-2016: Chủ tịch Hội Người Việt Nam tại CH Séc
- + 2009-2014: Ủy viên Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- + 2014 đến nay: Ủy viên Đoàn chủ tịch, Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- + 12/2015 đến tháng 6/2017: Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + 2016 đến nay : Chủ tịch Liên Hiệp các Hội người Việt Nam tại châu Âu
- + 06/2017 đến tháng 01/2024: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Từ tháng 01/2024 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

#### **Chức vụ công tác hiện nay:**

#### **Chủ tịch HĐQT**

- Chủ tịch HĐQT TTTM Sapa – Praha.
- Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Chủ tịch Liên Hiệp Hội người Việt Nam tại Châu Âu.

#### **Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

#### **Phó Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: **Trịnh Việt Dũng**  
Giới tính: Nam



Ngày sinh:	15/02/1958		
Nơi sinh:	Hà Nội		
CCCD:	001058018655	Ngày cấp: 30/09/2020	Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam		
Dân tộc:	Kinh		
Địa chỉ thường trú:	47 Hàng Đào – Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội		
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ kỹ thuật		
Quá trình công tác:			
+ Năm 1975 – 1980: Học tại Đại học Bách khoa Hà Nội;			
+ Năm 1984 – 1987: Công tác tại Viện kỹ thuật nhiệt đới – Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam;			
+ Năm 1988 – 1999: Làm nghiên cứu sinh tại Cộng hòa Séc;			
+ Năm 1999 – Nay: Làm kinh doanh tại Cộng hòa Séc – Nguyên là Chủ tịch hội doanh nghiệp Việt Nam tại Cộng hòa Séc;			
+ Tháng 6/2009 – 8/2010: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;			
+ Tháng 8/2010 – 10/2013: Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;			
+ Từ tháng 11/2013 đến tháng 01/2024: là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;			
+ Từ 01/01/2021 – 30/06/2021: Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.			
+ Từ tháng 01/2024 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;			
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó chủ tịch HĐQT		
	- Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18		
	- Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Trung Thu		
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Thành viên HĐQT Công ty CP Trung Anh		
	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ cao Hòa Bình		
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có		
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có		
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có		

***Thành viên HĐQT***

Họ và tên:	<b>Lê Tùng Sơn</b>		
Giới tính:	Nam		
Ngày sinh:	07/03/1957		
Nơi sinh:	Sơn Tây, Hà Nội		
CCCD:	001057007980	Ngày cấp: 10/07/2021	Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam		
Dân tộc:	Kinh		
Địa chỉ thường trú:	463/17/6 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội		
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư máy công trình		



Quá trình công tác:

- + Năm 1974 – 1979: Học tại Học viện kỹ thuật quân sự;
- + Năm 1980 – 2007: Công tác tại Bộ tư lệnh công binh, Bộ Quốc phòng;
- + Năm 2007 – 30/5/2011: là TV HĐQT kiêm P. TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
- + Từ 01/6/2011 đến nay: là TV HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + Từ 05/2016 – 31/12/2020: Tổng giám đốc Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

**Thành viên HĐQT:**

Họ và tên	<b>Phùng Văn Quý</b>
Giới tính	Nam
Ngày sinh	01/9/1958
Nơi sinh	Hội Hợp, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
CCCD	026058001690 Ngày cấp: 01/05/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	116 đường Hùng Vương, Phường Vĩnh Yên, Tỉnh Phú Thọ
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế

*Quá trình công tác:*

- + Năm 1980 Công tác tại Viện luyện kim màu (nay là Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương);
- + Năm 1981 – 1983 Đi bộ đội;
- + Năm 1984 – 1985 Công tác tại Viện luyện kim màu (nay là Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương);
- + Năm 1986 – 2000 Học và làm việc tại Liên bang Nga (Liên Xô cũ);
- + Năm 2001 – 2003 Công tác tại Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương;
- + Năm 2003 đến tháng 8/2006: Làm việc tại Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
- + Từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2011: phó TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
- + Từ 4/2011 đến 04/2016: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
- + Từ 05/2016 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng và thương mại Vĩnh Sơn.
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có



**Thành viên HĐQT:**

Họ và tên: **Phạm Trung Kiên**  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 26/02/1978  
Nơi sinh: Hội Hợp – Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc  
CCCD: 026078004649 Ngày cấp: 25/08/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: TDP Trà 2, Phường Vĩnh Yên, Tỉnh Phú Thọ.  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

- + Năm 2006 – 4/2011: Giám đốc Công ty CP Xây dựng và thương mại Vĩnh Sơn;
- + Tháng 5/2011 – tháng 4/2017: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam;
- + Tháng 5/2017 – T12/2020: Phó Tổng giám đốc Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam.
- + Từ Tháng 01/2021 – T6/2021: Quyền TGD Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + Từ Tháng 07/2021 – 9/8/2025: Tổng giám đốc Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + Từ Tháng 01/2024 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư hạ tầng Sông Lô
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vĩnh Sơn Hà Nam

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

**Thành viên HĐQT**

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Lan** (chi tiết phần dưới)

**Thành viên độc lập HĐQT:**

Họ và tên: **Phạm Hữu Ảnh**  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 24/08/1965  
Nơi sinh: Bệnh viện Hà Đông, Hà Nội  
CMND: 001065013305 Ngày cấp: 21/04/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 112D tập thể 3 tầng, phường Hà Đông, Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, cử nhân kế toán

**Quá trình công tác:**

- + 1996-2001: Học tập và làm việc tại Nga
- + 2002-2004: Nhân viên Công ty TNHH LT



+ 2004-2005: Phó Giám đốc Công ty TNHH LT  
+ 2006-2010: Giám đốc Công ty TNHH LT  
+ 2010- 2018: Tự do  
+ T01/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.  
+ Từ T01/2021 đến T01/2024: Thành viên độc lập HĐQT kiêm Phó chủ nhiệm Ủy Ban kiểm toán.  
+ Từ T01/2024 đến nay : Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy Ban kiểm toán.  
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy Ban kiểm toán.  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có  
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

***Thành viên độc lập HĐQT:***

Họ và tên: **Nguyễn Thùy Linh**  
Giới tính: Nữ  
Ngày sinh: 24/02/1988  
Nơi sinh: Hà Nội  
CCCD: 001188023540 Ngày cấp: 26/01/2022 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: Tổ 44, Phường Yên Hoà, Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh  
Quá trình công tác:

+ 2010-2012: Chuyên viên dự án phát triển kinh tế vĩ mô tại Tổ chức Hợp tác quốc tế CHLB Đức (GIZ)  
+ 2014-2015: Chủ sở hữu Công ty TNHH J-mart  
+ 2018-2019: Chủ nhiệm Bộ môn QTKD (cơ sở Hà Nội) Trường Đại học Greenwich Việt Nam.  
+ 2015 – Nay: Giảng viên cơ hữu Trường Đại học Greenwich Việt Nam.  
+ T01/2022 - T01/2024: Thành viên độc lập HĐQT, Chủ nhiệm UBKT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.  
+ Từ T01/2024 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT, Phó chủ nhiệm UBKT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên độc lập HĐQT kiêm Phó Chủ nhiệm UBKT.  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giảng viên cơ hữu Trường Đại học Greenwich Việt Nam  
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có



**Thành viên độc lập HĐQT:**

Họ và tên: Tôn Tích Quang Nam  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 23/02/1975  
Nơi sinh: Hà Nội  
CCCD: 001075021174 Ngày cấp: 07/01/2022 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 6A B2 TT Khương Thượng, Phường Kim Liên, Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD

**Quá trình công tác:**

- + Năm 2000 – 2005: Nhân viên công ty HiPT;
- + Năm 2006 – 2014: Trưởng phòng ĐP SX công ty HiPT;
- + Năm 2015 đến nay: Trưởng dự án Công ty N.G VINA;
- + Từ Tháng 01/2024 – nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên độc lập HĐQT  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Dự án Công ty N.G Vina.  
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

**✦ Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng:****Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc; Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam:**

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Lan  
Giới tính: Nữ  
Ngày sinh: 18/10/1984  
Nơi sinh: Hòa Bình  
CMND: 017184011825 Ngày cấp: 11/11/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân, Hà Nội  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp

**Quá trình công tác:**

- + 8/2006 - 7/2007: Công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS)
- + 8/2007 – 5/2011: Công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HSC)
- + 5/2011 – 12/2013: Công tác tại Khối chiến lược và Phát triển Ngân hàng – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
- + 1/2014 – 2020: Công tác tại Phòng chiến lược - Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)
- + 3/2012 – T1/2019: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + T1/2019 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.



- + T1/2019 – T2/2021: Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + T10/2020 – 09/08/2025: Phó Tổng giám đốc Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + T4/2021 – 01/04/2023: Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô.
- + 02/04/2023 – nay: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam.
- + 09/08/2025 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay:

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Số 18.

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

***Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô:***

Họ và tên: **Nguyễn Anh Đệ**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 11/08/1977

Nơi sinh: Hoàng Hoa Thám – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội

CCCD: 001077018844 Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 11 ngách 14 ngõ 639 Hoàng Hoa Thám – Phường Ngọc Hà – Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh, cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác:

+ Năm 1995 – 2000: Học Đại học thương mại

+ Năm 2000 – 2006: Công ty liên doanh máy xây dựng Việt Nam – Uraltrac

+ Năm 2008 – 2016: Công ty CP thủy điện Trung Thu

+ Năm 2009 – 2016: Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ cao Hòa Bình

+ Tháng 3/2017 đến Tháng 09/2020: Thư ký HĐQT kiêm Người CBTT Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

+ Tháng 10/2018 đến nay: Phó TGD Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

+ Tháng 10/2020 đến 01/04/2023: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam

+ Từ 02/04/2023 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô

Chức vụ công tác hiện nay:

Phó TGD Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Sông Lô

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không có

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có





***Kế toán trưởng***

Họ và tên	<b>Nguyễn Thị Hoàn</b>
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	08/08/1983
Nơi sinh	Bồ Lý, Tam Đảo, Vĩnh Phúc
CMND	026183002023 Ngày cấp: 29/04/2021 Nơi cấp: CCSQLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Khu HC15, Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

***Quá trình công tác:***

+ Tháng 11 năm 2005-2010: kế toán thanh toán, kế toán thuế Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

+ Năm 2011-2012: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

+ Từ 11/2013 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty CP Phát triển hạ Tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán trưởng Công ty
----------------------------	------------------------

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
--	----------

Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
---------------------------------	----------

Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
------------------------------------	---------

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
----------------------------------	----------

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
----------------------------	----------



## Phụ lục 2

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2025** **(Trích từ BCTC đã được kiểm toán – hợp nhất)**

50022  
CÔNG  
CỔ P  
TRIỂN  
INH  
PHÚC



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/10/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>463.891.955.031</b>	<b>485.005.815.374</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>22.254.795.059</b>	<b>57.387.452.252</b>
1. Tiền	111		10.182.044.096	21.747.452.252
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.072.750.963	35.640.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>235.519.978.146</b>	<b>260.993.289.477</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.958.627.885	16.788.177.111
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(954.067.885)	(1.364.876.840)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		234.515.418.146	245.569.989.206
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>182.076.559.692</b>	<b>158.563.110.572</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.797.856.232	6.275.440.852
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	172.066.098.000	122.667.214.280
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	24.900.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	3.377.934.500	4.739.705.440
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(165.329.040)	(19.250.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>101.852.869</b>	<b>129.051.542</b>
1. Hàng tồn kho	141		101.852.869	129.051.542
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.938.769.265</b>	<b>7.932.911.531</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	232.685.414	439.987.290
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.700.074.471	7.492.924.241
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	6.009.380	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.537.286.048.483</b>	<b>1.395.032.027.446</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>598.795.347.746</b>	<b>596.903.457.303</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	598.795.347.746	596.903.457.303
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>146.818.238.345</b>	<b>110.133.536.205</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	146.818.238.345	110.133.536.205
- Nguyên giá	222		238.817.019.152	185.373.752.718
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.998.780.807)	(75.240.216.513)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>75.934.468.619</b>	<b>23.695.669.685</b>
- Nguyên giá	231		80.249.359.766	26.246.643.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.314.891.147)	(2.550.974.187)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.9</b>	<b>211.080.750.024</b>	<b>185.327.516.338</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		211.080.750.024	185.327.516.338
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>326.718.784.643</b>	<b>313.685.176.021</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.993.226.456	172.233.649.365
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		327.550.771.260	143.809.725.560
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.825.213.073)	(2.358.198.904)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>177.938.459.106</b>	<b>165.286.671.894</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	176.907.173.977	165.135.459.785
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.031.285.129	151.212.109
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.001.178.003.514</b>	<b>1.880.037.842.820</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025	01/10/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.059.460.868.872</b>	<b>1.005.389.564.436</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>199.207.868.312</b>	<b>161.642.549.421</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	5.279.597.057	2.967.831.373
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	4.952.028.597	4.522.597.123
3. Phải trả người lao động	314		4.335.937.875	4.504.766.293
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	47.744.901.917	75.698.751.550
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15.a	39.774.666.822	37.042.814.242
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.a	12.306.693.163	3.581.930.301
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.a	74.006.762.343	21.080.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.807.280.538	12.243.858.539
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>860.253.000.560</b>	<b>843.747.015.015</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15.b	823.183.248.915	780.114.770.265
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.b	3.507.517.506	3.507.517.506
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.b	33.562.234.139	60.113.384.660
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	11.342.584
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>941.717.134.642</b>	<b>874.648.278.384</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>941.717.134.642</b>	<b>874.648.278.384</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		412.367.770.000	358.583.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		412.367.770.000	358.583.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(11.000.000)	(11.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		89.359.931.607	78.949.441.652
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		435.797.393.134	432.977.719.294
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		325.357.494.731	319.491.247.247
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		110.439.898.403	113.486.472.047
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.203.039.901	4.148.267.438
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.001.178.003.514</b>	<b>1.880.037.842.820</b>

Phú Thọ, ngày 06 tháng 11 năm 2025





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	177.648.306.603	130.939.549.954
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	177.648.306.603	130.939.549.954
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	55.870.113.213	44.671.554.661
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>121.778.193.390</b>	<b>86.267.995.293</b>
<b>(20 = 10 - 11)</b>				
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	51.536.497.591	35.575.724.961
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	15.339.296.717	1.753.112.044
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>916.711.730</i>	<i>1.067.712.678</i>
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		19.222.411.757	38.926.319.043
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	398.450.564	765.863.005
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	23.213.231.080	23.456.233.110
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>153.586.124.377</b>	<b>134.794.831.138</b>
<b>(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>				
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.854.664.242	18.988.849.119
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.888.802.354	187.662.731
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.965.861.888</b>	<b>18.801.186.388</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>156.551.986.265</b>	<b>153.596.017.526</b>
<b>(50 = 30 + 40)</b>				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	27.312.277.428	19.413.925.262
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(891.415.604)	22.972.544
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>130.131.124.441</b>	<b>134.159.119.720</b>
<b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>				
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		130.076.351.978	133.513.496.525
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		54.772.463	645.623.195
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.933	3.011

Phú Thọ, ngày 06 tháng 11 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	156.551.986.265	153.596.017.526
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18.522.481.254	17.710.902.323
- Các khoản dự phòng	03	202.284.254	615.557.800
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	(157.467)	(133.307)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(38.928.415.399)	(32.990.594.012)
- Chi phí lãi vay	06	916.711.730	1.067.712.678
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	137.264.890.637	139.999.463.008
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(67.544.651.233)	(115.125.414.913)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	27.198.673	17.194.098.582
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	196.679.332.803	(55.598.320.773)
(Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(11.564.412.316)	(3.868.409.441)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	14.829.549.226	(10.194.969.660)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(927.198.877)	(1.032.350.486)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.312.577.468)	(24.940.545.460)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.545.756.712)	(2.086.920.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	230.906.374.733	(55.653.369.386)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(299.880.255.816)	(105.893.968.032)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	194.449.915
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(255.419.098.266)	(287.350.279.782)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	291.373.669.326	497.907.797.425
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.195.127.705)	(8.100.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	694.504.914	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.799.083.832	43.831.672.413
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(238.627.223.715)	140.589.671.939
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	127.660.888.268	82.519.993.660
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(101.285.276.446)	(79.320.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(53.787.577.500)	(46.772.211.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.411.965.678)	(43.572.217.340)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(35.132.814.660)	41.364.085.213
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	57.387.452.252	16.023.233.732
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	157.467	133.307
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	22.254.795.059	57.387.452.252